

MỤC LỤC

Trang

PHẦN VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ

09-8-2013	Quyết định số 29/2013/QĐ-UBND về sửa đổi, bổ sung Quy chế cho vay đối với hộ gia đình, cá nhân xây dựng mới hoặc sửa chữa nhà trọ cho công nhân thuê trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh.	3
17-8-2013	Quyết định số 30/2013/QĐ-UBND về điều chỉnh mức phụ cấp theo trình độ chuyên môn, nghiệp vụ đối với cán bộ không chuyên trách ở phường - xã, thị trấn.	6
20-8-2013	Chỉ thị số 14/2013/CT-UBND về quản lý các nguồn tài trợ cho các cơ sở giáo dục trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh.	8
20-8-2013	Chỉ thị số 15/2013/CT-UBND về thực hiện nhiệm vụ giáo dục và đào tạo năm học 2013 - 2014 tại thành phố Hồ Chí Minh.	13

PHẦN VĂN BẢN KHÁC

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ

07-8-2013	Quyết định số 4228/QĐ-UBND ban hành Kế hoạch Thực hiện Chương trình hành động số 29-CTrHĐ/TU ngày 21 tháng 12 năm 2012 của Thành ủy thực hiện Nghị quyết số 09-NQ/TW ngày 09	18
-----------	--	----

tháng 12 năm 2011 của Bộ Chính trị về xây dựng và phát huy vai trò của đội ngũ doanh nhân Việt Nam trong thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập quốc tế giai đoạn 2013 - 2020.

- | | | |
|-----------|---|----|
| 08-8-2013 | Quyết định số 4230/QĐ-UBND phê duyệt Đề án nông thôn mới xã Hưng Long, huyện Bình Chánh giai đoạn 2013 - 2015. | 30 |
| 08-8-2013 | Quyết định số 4245/QĐ-UBND về ban hành định mức kinh phí lập quy hoạch xây dựng xã nông thôn mới trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh. | 52 |
| 12-8-2013 | Quyết định số 4326/QĐ-UBND về phê duyệt Chương trình “Ứng dụng Khoa học công nghệ giảm ùn tắc giao thông giai đoạn 2013 - 2015, tầm nhìn đến 2020”. | 65 |

PHẦN VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ

**ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 29/2013/QĐ-UBND

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 09 tháng 8 năm 2013

QUYẾT ĐỊNH

**Về sửa đổi, bổ sung Quy chế cho vay đối với hộ gia đình,
cá nhân xây dựng mới hoặc sửa chữa nhà trọ cho công nhân
thuê trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh**

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Quyết định số 3823/QĐ-UB ngày 04 tháng 8 năm 2004 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về thành lập Quỹ Phát triển nhà ở Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Quyết định số 128/2005/QĐ-UBND ngày 26 tháng 7 năm 2005 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về phê duyệt Điều lệ tổ chức và hoạt động của Quỹ Phát triển nhà ở Thành phố Hồ Chí Minh;

Xét Công văn số 480/QPTNƠ-HĐQL ngày 20 tháng 5 năm 2013 của Hội đồng quản lý Quỹ Phát triển nhà ở thành phố về điều chỉnh nguyên tắc tính lãi suất và thời gian cho vay đối với hộ gia đình, cá nhân xây dựng mới hoặc sửa chữa nhà trọ cho công nhân thuê trên địa bàn thành phố,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung Điều 1 của Quyết định số 41/2012/QĐ-UBND về sửa

đổi bổ sung Quyết định số 18/2011/QĐ-UBND ngày 28 tháng 3 năm 2011 về Quy chế cho vay đối với hộ gia đình, cá nhân xây dựng mới hoặc sửa chữa nhà trọ cho công nhân thuê, như sau:

“3. Lãi suất:

Giao Hội đồng quản lý Quỹ Phát triển nhà ở quyết định khung lãi suất cho vay cụ thể trong từng thời kỳ theo nguyên tắc:

*a) Mức lãi suất cho vay được tính bằng **bình quân** lãi suất huy động tiết kiệm kỳ hạn **dưới 12 tháng trả lãi sau (mức tối đa)** của 4 ngân hàng thương mại trên địa bàn thành phố là Ngân hàng Thương mại cổ phần Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh, Ngân hàng Thương mại cổ phần Công thương Việt Nam - Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh, Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh, Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh”.*

Điều 2. Sửa đổi, bổ sung Điểm a, Khoản 1, Điều 4 của Quy chế cho vay đối với hộ gia đình, cá nhân xây dựng mới hoặc sửa chữa nhà trọ cho công nhân thuê ban hành theo Quyết định số 18/2011/QĐ-UBND ngày 28 tháng 3 năm 2011 của Ủy ban nhân dân thành phố, như sau:

“1. Thời hạn cho vay:

Thời gian cho vay căn cứ vào kết quả thẩm định của Quỹ Phát triển nhà ở về khả năng tài chính để hoàn trả nợ vay, lãi vay của đối tượng vay vốn.

a) Thời gian cho vay tối đa như sau:

*- Đối với cho vay để sửa chữa, nâng cấp nhà trọ công nhân: thời gian cho vay **tối đa 07 (bảy) năm.***

*- Đối với cho vay để xây mới nhà trọ công nhân: thời gian cho vay **tối đa 10 (mười) năm.***

- Trường hợp Ủy ban nhân dân thành phố có quyết định cụ thể về thời hạn cho vay thì thực hiện theo quyết định của Ủy ban nhân dân thành phố”.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực sau 10 ngày, kể từ ngày ký. Các nội dung không đề cập tại Quyết định này vẫn giữ nguyên theo Quyết định số 18/2011/QĐ-UBND ngày 28 tháng 3 năm 2011 và Quyết định số 41/2012/QĐ-UBND ngày 12 tháng 9 năm 2012 của Ủy ban nhân dân thành phố về sửa đổi, bổ sung Quyết định số 18/2011/QĐ-UBND ngày 28 tháng 3 năm 2011 về Quy chế cho vay đối với hộ gia

đình, cá nhân xây dựng mới hoặc sửa chữa nhà trọ cho công nhân thuê trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh.

Điều 4. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố, Giám đốc Sở Nội vụ, Giám đốc Sở Tài chính, Giám đốc Sở Xây dựng, Giám đốc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội, Cục trưởng Cục Thuế thành phố, Giám đốc Kho bạc Nhà nước thành phố, Chủ tịch Hội đồng quản lý Quỹ Phát triển nhà ở thành phố, Giám đốc Quỹ Phát triển nhà ở thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các quận - huyện và các đơn vị, cá nhân liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Nguyễn Hữu Tín

**ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 30/2013/QĐ-UBND

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 17 tháng 8 năm 2013

QUYẾT ĐỊNH

**Về điều chỉnh mức phụ cấp theo trình độ chuyên môn, nghiệp vụ
đối với cán bộ không chuyên trách ở phường - xã, thị trấn**

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Nghị định số 93/2001/NĐ-CP ngày 12 tháng 12 năm 2001 của Chính phủ về phân cấp quản lý một số lĩnh vực cho Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Nghị định số 92/2009/NĐ-CP ngày 22 tháng 10 năm 2009 của Chính phủ về chức danh, số lượng, một số chế độ, chính sách đối với cán bộ, công chức ở xã, phường, thị trấn và những người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã; Nghị định số 29/2013/NĐ-CP ngày 08 tháng 4 năm 2013 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 92/2009/NĐ-CP ngày 22 tháng 10 năm 2009 của Chính phủ về chức danh, số lượng, một số chế độ, chính sách đối với cán bộ, công chức ở xã, phường, thị trấn và những người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã;

Căn cứ Nghị quyết số 14/2013/NQ-HĐND ngày 13 tháng 7 năm 2013 của Hội đồng nhân dân thành phố về điều chỉnh mức phụ cấp hàng tháng theo trình độ chuyên môn, nghiệp vụ đối với cán bộ không chuyên trách phường, xã, thị trấn;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Nội vụ tại Tờ trình số 628/TTr-SNV ngày 08 tháng 8 năm 2013,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Điều chỉnh mức phụ cấp hàng tháng theo trình độ chuyên môn, nghiệp vụ đối với cán bộ không chuyên trách phường - xã, thị trấn được quy định tại Điểm a Khoản 3 Điều 1 của Quyết định số 59/2010/QĐ-UBND ngày 31 tháng 8 năm 2010

của Ủy ban nhân dân thành phố về số lượng, chức danh và chế độ, chính sách đối với cán bộ không chuyên trách phường - xã, thị trấn, như sau:

1. Đối với người có trình độ cao đẳng: Mức phụ cấp từ hệ số 1,86, điều chỉnh lên hệ số 2,10 so với mức lương tối thiểu chung;

2. Đối với người có trình độ đại học: Mức phụ cấp từ hệ số 1,86, điều chỉnh lên hệ số 2,34 so với mức lương tối thiểu chung;

3. Đối với người có trình độ trên đại học: Mức phụ cấp từ hệ số 1,86, điều chỉnh lên hệ số 2,67 so với mức lương tối thiểu chung.

4. Cán bộ không chuyên trách có trình độ trung cấp hoặc chưa qua đào tạo tiếp tục hưởng hệ số 1,86 theo quy định tại Điểm a Khoản 3 Điều 1 của Quyết định số 59/2010/QĐ-UBND ngày 31 tháng 8 năm 2010 của Ủy ban nhân dân thành phố.

5. Các chế độ, chính sách khác quy định tại Quyết định số 59/2010/QĐ-UBND ngày 31 tháng 8 năm 2010 của Ủy ban nhân dân thành phố đối với cán bộ không chuyên trách tiếp tục hưởng theo quy định.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 10 ngày, kể từ ngày ký. Thời gian áp dụng thực hiện mức phụ cấp trên kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2013.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố, Giám đốc Sở Nội vụ, Giám đốc Sở Tài chính, Thủ trưởng các Sở - ngành liên quan và Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận - huyện, Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường - xã, thị trấn chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Lê Hoàng Quân

**ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 14/2013/CT-UBND

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 8 năm 2013

CHỈ THỊ

Về quản lý các nguồn tài trợ cho các cơ sở giáo dục trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh

Thực hiện Thông tư số 29/2012/TT-BGDĐT ngày 10 tháng 9 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định về tài trợ cho các cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và Thông tư số 135/2008/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2008 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn Nghị định số 69/2008/NĐ-CP ngày 30 tháng 5 năm 2008 của Chính phủ về chính sách khuyến khích xã hội hóa đối với các hoạt động trong lĩnh vực giáo dục, dạy nghề, y tế, văn hóa, thể thao, môi trường.

Nhằm huy động sức mạnh tổng hợp các nguồn lực xã hội chăm lo cho sự nghiệp giáo dục và đào tạo và thống nhất quản lý, sử dụng hiệu quả các khoản tài trợ cho ngành Giáo dục và Đào tạo, Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh chỉ thị như sau:

1. Toàn ngành Giáo dục và Đào tạo thành phố tổ chức quán triệt, triển khai thực hiện có hiệu quả Thông tư số 29/2012/TT-BGDĐT ngày 10 tháng 9 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định về tài trợ cho các cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân.

2. Khẳng định tài trợ cho các cơ sở giáo dục trên địa bàn thành phố là nguồn tài trợ tự nguyện không hoàn lại bằng tiền, hiện vật từ nguồn vốn ngoài ngân sách nhà nước, của các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước. Tài trợ cho giáo dục để tăng cường cơ sở vật chất trường lớp, hỗ trợ hoạt động dạy - học, hoạt động giáo dục tại các cơ sở giáo dục, thực hiện tốt chủ trương xã hội hoá giáo dục. Các cơ sở giáo dục không coi huy động tài trợ là điều kiện cho việc cung cấp dịch vụ giáo dục và không quy định mức tài trợ cụ thể đối với các nhà tài trợ. Các nhà tài trợ không gắn điều kiện ràng buộc việc tài trợ với việc thụ hưởng dịch vụ giáo dục hoặc quyền khai thác lợi ích kinh tế phát sinh từ các khoản tài trợ cho cơ sở giáo dục. Khuyến khích các nhà tài trợ tự tổ chức thực hiện việc đầu tư xây dựng, mua sắm, lắp đặt thiết bị dạy - học với sự thỏa thuận và hướng dẫn của cơ sở giáo dục.

3. Các cơ sở giáo dục tổ chức tiếp nhận, quản lý và sử dụng tài trợ đúng theo quy trình, thực hiện có hiệu quả, tuân thủ quy định của pháp luật hiện hành, cụ thể:

a) Việc tiếp nhận tài trợ phải đảm bảo nguyên tắc công khai, minh bạch theo quy định tại Thông tư số 19/2005/TT-BTC ngày 11 tháng 3 năm 2005 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn việc công khai tài chính đối với các quỹ có nguồn từ ngân sách nhà nước và các quỹ có nguồn từ các khoản đóng góp của nhân dân và Thông tư số 09/2009/TT-BGDĐT ngày 07 tháng 5 năm 2009 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy chế thực hiện công khai đối với cơ sở giáo dục của hệ thống giáo dục quốc dân.

b) Đối với tiếp nhận các khoản tài trợ bằng tiền mặt (bao gồm tiền đồng Việt Nam hoặc ngoại tệ, đá quý, kim loại quý như vàng, kim cương) hoặc thông qua tài khoản của đơn vị tại Kho bạc nhà nước hoặc Ngân hàng thương mại. Đối với tiếp nhận tài trợ bằng hiện vật, cụ thể: sách, vở, quần áo, lương thực, thực phẩm, vật liệu, thiết bị, đồ dùng dạy học và các hiện vật khác phải có giá trị sử dụng và đáp ứng được nhu cầu thiết thực của người học và cơ sở giáo dục. Không tiếp nhận hiện vật không cần dùng trong cơ sở giáo dục, hiện vật độc hại, nguy hiểm đối với sức khỏe của người dạy và người học.

c) Việc quản lý và sử dụng tài trợ phải theo nguyên tắc tiết kiệm, hiệu quả, đúng mục đích đối với các sản phẩm và hiện vật tiếp nhận để phát huy hiệu quả sử dụng, không để thất thoát, lãng phí.

4. Thống nhất quy trình tiếp nhận, quản lý và sử dụng các khoản tài trợ cho các cơ sở giáo dục trên địa bàn thành phố như sau:

a) Thành lập bộ phận tiếp nhận các khoản tài trợ của cơ sở giáo dục, bao gồm: Đại diện lãnh đạo cơ sở giáo dục, đại diện các bộ phận chức năng và Ban đại diện cha mẹ học sinh (đối với cơ sở giáo dục mầm non, cơ sở giáo dục phổ thông, Trung tâm giáo dục thường xuyên và Trung tâm Kỹ thuật Tổng hợp Hướng nghiệp) hoặc đại diện Đoàn thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh, Hội sinh viên (đối với trường trung cấp chuyên nghiệp và cơ sở giáo dục đại học); kế toán trưởng hoặc phụ trách kế toán đơn vị.

b) Lập kế hoạch sử dụng khoản tài trợ, trong đó xác định rõ mục đích, đối tượng hưởng lợi; cách thức tổ chức thực hiện, tiến độ thực hiện; chất lượng hoạt động, chất lượng sản phẩm, công trình kèm dự toán kinh phí chi tiết phù hợp với các quy định về tiêu chuẩn, định mức hiện hành. Kế hoạch sử dụng khoản tài trợ phải được công bố và niêm yết công khai trước khi tổ chức thực hiện ít nhất 15 ngày làm việc để lấy ý

kiến đóng góp của giáo viên, cán bộ, nhân viên, học sinh, sinh viên, cha mẹ học sinh và nhà tài trợ.

c) Thực hiện Kế hoạch đảm bảo đúng mục đích đã đề ra, đảm bảo tiến độ thời gian, chất lượng sản phẩm, tiêu chuẩn, định mức quy định, tuân thủ đầy đủ trình tự, thủ tục đầu tư xây dựng và mua sắm đấu thầu.

d) Ghi sổ theo dõi quản lý và sử dụng các khoản tài trợ trong sổ sách kế toán của cơ sở giáo dục theo đúng quy định hiện hành.

đ) Báo cáo quyết toán công việc hoàn thành và niêm yết công khai để người học và xã hội giám sát, đánh giá.

e) Xây dựng kế hoạch duy tu, bảo dưỡng để phát huy hiệu quả sử dụng (đối với các sản phẩm, chương trình phần mềm hỗ trợ).

5. Tổ chức thực hiện:

a) Giao Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo có trách nhiệm:

- Chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính, Thanh tra thành phố và các đơn vị có liên quan tổ chức thanh tra, kiểm tra việc thực hiện Chỉ thị này trên địa bàn, kịp thời chấn chỉnh và xử lý những trường hợp sai phạm.

- Báo cáo Ủy ban nhân dân thành phố kết quả thực hiện hàng năm theo quy định.

- Đề xuất Ủy ban nhân dân thành phố các hình thức khen thưởng các nhà tài trợ đối với cơ sở giáo dục và xử lý vi phạm trong việc sử dụng nguồn tài trợ theo đúng quy định pháp luật.

b) Giao Giám đốc Sở Tài chính phối hợp với Sở Giáo dục và Đào tạo kiểm tra việc thực hiện Chỉ thị này trên địa bàn, kịp thời chấn chỉnh những trường hợp sai phạm.

c) Giao Chánh Thanh tra thành phố phối hợp với Sở Giáo dục và Đào tạo thanh tra việc thực hiện Chỉ thị này trên địa bàn, kịp thời chấn chỉnh và xử lý những trường hợp vi phạm pháp luật.

d) Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân quận - huyện:

- Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận - huyện có trách nhiệm:

+ Chỉ đạo, kiểm tra việc thực hiện Chỉ thị này trên địa bàn theo thẩm quyền;

+ Chỉ đạo Phòng Giáo dục và Đào tạo chủ trì, phối hợp với Thanh tra quận -

huyện và các ngành liên quan tổ chức thanh tra, kiểm tra việc thực hiện Chỉ thị này trên địa bàn, kịp thời chấn chỉnh và xử lý những trường hợp sai phạm.

- Trưởng Phòng Giáo dục và Đào tạo có trách nhiệm:

+ Tham mưu cho Ủy ban nhân dân quận - huyện hướng dẫn, chỉ đạo việc thực hiện Chỉ thị này trên địa bàn;

+ Chủ trì, phối hợp với Phòng Tài chính - Kế hoạch, Thanh tra quận - huyện và các đơn vị có liên quan tổ chức thanh tra, kiểm tra việc thực hiện Chỉ thị này trên địa bàn, kịp thời chấn chỉnh và xử lý những trường hợp sai phạm;

+ Báo cáo Sở Giáo dục và Đào tạo, Ủy ban nhân dân quận - huyện kết quả thực hiện hàng năm theo quy định;

+ Đề xuất Ủy ban nhân dân quận - huyện, Sở Giáo dục và Đào tạo các hình thức vinh danh phù hợp để ghi nhận việc tài trợ của nhà tài trợ đối với cơ sở giáo dục;

+ Chỉ đạo, giám sát các cơ sở giáo dục trên địa bàn quản lý và sử dụng hiệu quả các nguồn tài trợ theo quy định.

đ) Thủ trưởng cơ sở giáo dục chịu trách nhiệm trước pháp luật về việc tiếp nhận, quản lý và sử dụng các khoản tài trợ cho cơ sở giáo dục, cụ thể:

- Khi tiếp nhận phải phối hợp hướng dẫn nhà tài trợ sử dụng khoản tài trợ đáp ứng đúng nhu cầu và phù hợp với kế hoạch phát triển của cơ sở giáo dục; thực hiện đúng quy trình, thủ tục để đảm bảo chất lượng, mỹ quan của sản phẩm, công trình; nghiệm thu, tiếp nhận sản phẩm, công trình do nhà tài trợ tự thực hiện theo đúng quy định của pháp luật; có trách nhiệm quản lý, duy tu, bảo dưỡng để đảm bảo sản phẩm, công trình được sử dụng hiệu quả, đúng mục đích.

- Tổ chức vinh danh (khen thưởng) các nhà tài trợ có đóng góp tích cực cho sự nghiệp phát triển giáo dục và đào tạo hoặc đề xuất với cấp trên các hình thức vinh danh phù hợp để ghi nhận việc tài trợ của nhà tài trợ đối với cơ sở giáo dục.

- Tổ chức thực hiện, tổng kết, đánh giá nhằm hoàn thiện và nâng cao hiệu quả quản lý và sử dụng các khoản tài trợ. Lập báo cáo thu chi các khoản tài trợ và kết quả thực hiện, gửi cơ quan cấp trên quản lý trực tiếp và gửi các nhà tài trợ.

- Chịu trách nhiệm báo cáo, giải trình các đơn vị có chức năng giám sát, kiểm tra, thanh tra việc quản lý và sử dụng các khoản tài trợ tại cơ sở giáo dục nếu được yêu cầu.

- Chịu trách nhiệm giải trình, trả lời các ý kiến thắc mắc (nếu có) của giáo viên,

nhân viên, học sinh - sinh viên, cha mẹ học sinh và nhà tài trợ trong việc tiếp nhận, quản lý và sử dụng các khoản tài trợ.

6. Chỉ thị này có hiệu lực thi hành sau 10 ngày, kể từ ngày ký ban hành.

Ủy ban nhân dân thành phố yêu cầu Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo, Thủ trưởng các Sở - ngành thành phố có liên quan, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các quận - huyện triển khai thực hiện nghiêm túc Chỉ thị này./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Hứa Ngọc Thuận

**ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 15/2013/CT-UBND

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 8 năm 2013

CHỈ THỊ

Về thực hiện nhiệm vụ giáo dục và đào tạo năm học 2013 - 2014 tại thành phố Hồ Chí Minh

Căn cứ Quyết định số 1840/QĐ-BGDĐT ngày 24 tháng 5 năm 2013 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về ban hành khung kế hoạch thời gian năm học 2013 -2014 của giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông, giáo dục thường xuyên và phương hướng, nhiệm vụ trọng tâm của giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông, giáo dục thường xuyên và giáo dục chuyên nghiệp năm học 2013 - 2014;

Nhằm phát huy những thành tích đã đạt được; đồng thời huy động sức mạnh tổng hợp và nguồn lực toàn xã hội cho sự nghiệp giáo dục và đào tạo thành phố, Ủy ban nhân dân thành phố yêu cầu Trưởng các Sở - ngành thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận - huyện, phường - xã, thị trấn phối hợp với Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và đoàn thể các cấp, các tổ chức xã hội tập trung thực hiện tốt những nhiệm vụ trọng tâm năm học 2013 - 2014, như sau:

1. Tiếp tục nâng cao hiệu lực, hiệu quả công tác quản lý

- Đẩy mạnh việc phân cấp quản lý giáo dục theo tinh thần Nghị định số 115/2010/NĐ-CP ngày 24 tháng 12 năm 2010 của Chính phủ về quy định trách nhiệm quản lý nhà nước về giáo dục và Thông tư liên tịch số 47/2011/TTLT-BGDĐT- BNV ngày 19 tháng 10 năm 2011 của Liên Bộ Giáo dục và Đào tạo và Bộ Nội vụ hướng dẫn về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, cơ cấu tổ chức và biên chế của Sở Giáo dục và Đào tạo thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, Phòng Giáo dục và Đào tạo thuộc Ủy ban nhân dân quận - huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, nhằm tăng cường công tác quản lý nhà nước về giáo dục đối với các loại hình giáo dục, các cơ sở giáo dục có yếu tố nước ngoài.

- Tiếp tục giao quyền tự chủ cho các đơn vị theo Nghị quyết số 35/2009/NQ-QH12 ngày 19 tháng 6 năm 2009 của Quốc hội về chủ trương, định hướng đổi mới một số cơ chế tài chính trong giáo dục và đào tạo từ năm học 2010 - 2011 đến năm

học 2014 - 2015; Nghị định số 43/2006/NĐ-CP ngày 25 tháng 4 năm 2006 của Chính phủ quy định quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm về thực hiện nhiệm vụ, tổ chức bộ máy, biên chế và tài chính đối với đơn vị sự nghiệp công lập và các văn bản hướng dẫn thi hành.

- Tăng cường chỉ đạo, kiểm tra, giám sát việc thực hiện Thông tư số 09/2009/TT-BGDĐT ngày 07 tháng 5 năm 2009 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về quy chế thực hiện công khai đối với cơ sở giáo dục của hệ thống giáo dục quốc dân.

- Tiếp tục thực hiện có hiệu quả công tác cải cách hành chính; nghiêm túc thực hiện các quy định của Luật phòng, chống tham nhũng, Luật thực hành tiết kiệm và chống lãng phí; thực hiện tiết kiệm chi thường xuyên.

- Tăng cường kiểm tra các hoạt động dạy thêm, học thêm trong và ngoài nhà trường; kiên quyết xử lý nghiêm khắc các trường hợp dạy thêm không đúng qui định. Đổi mới công tác kiểm tra, đánh giá kết quả học tập của học sinh; đổi mới công tác tuyển sinh lớp 10 năm học 2014 - 2015. Tăng cường thanh tra, kiểm tra công tác quản lý giáo dục và việc thực hiện nhiệm vụ tại các cơ sở giáo dục và đào tạo.

- Triển khai thực hiện có hiệu quả các nội dung Chương trình hành động của Thành ủy thực hiện Nghị quyết số 16-NQ/TW ngày 10 tháng 8 năm 2012 của Bộ Chính trị về phương hướng, nhiệm vụ phát triển thành phố Hồ Chí Minh đến năm 2020 và Kế hoạch của Ủy ban nhân dân thành phố triển khai Chương trình hành động của Thành ủy về thực hiện Kết luận số 51 - Hội nghị Trung ương 6 - Khóa XI.

- Triển khai Kế hoạch thực hiện một số chính sách xã hội đối với ngành giáo dục và đào tạo nhằm không để một học sinh nào không thể đến trường vì hoàn cảnh gia đình khó khăn.

2. Nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động giáo dục

- Tiếp tục thực hiện hiệu quả, sáng tạo việc học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh theo Chỉ thị số 03-CT/TW ngày 14 tháng 5 năm 2011 của Bộ Chính trị; các phong trào thi đua của Bộ Giáo dục và Đào tạo, của thành phố gắn với đặc thù của ngành góp phần nâng cao phẩm chất chính trị, đạo đức nghề nghiệp của nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục.

- Đặt trọng tâm chủ đề năm học 2013 - 2014 là “tập trung phát triển năng khiếu và phẩm chất cho học sinh”.

- củng cố kết quả phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ 5 tuổi, kết quả phổ cập

giáo dục tiểu học đúng độ tuổi và phổ cập bậc trung học. Đẩy mạnh công tác phân luồng học sinh sau trung học và công tác xóa mù chữ cho người lớn (đặc biệt chú trọng đối tượng sau 35 tuổi); đa dạng hóa phương thức học tập đáp ứng nhu cầu nhân lực, tạo cơ hội học tập suốt đời cho nhân dân.

- Tăng cường giáo dục chính trị tư tưởng, đạo đức, lối sống, thể chất, chăm sóc sức khỏe cho học sinh, sinh viên; tăng cường công tác quản lý, phối hợp đảm bảo an ninh, trật tự trường học, phòng chống tội phạm, bạo lực, tệ nạn xã hội trong học sinh, sinh viên.

- Tiếp tục đổi mới phương pháp giảng dạy và học tập. Chú trọng hướng dẫn học sinh phương pháp tự học, tự nghiên cứu; tăng cường tổ chức cho học sinh học tập, nghiên cứu, làm việc theo nhóm; khuyến khích, hướng dẫn và tạo điều kiện để học sinh nghiên cứu khoa học, ứng dụng các kiến thức đã học trong thực tế. Định hướng nghiên cứu khoa học cơ bản, khoa học ứng dụng để học sinh có thể có những công trình khoa học có giá trị, vận dụng những kiến thức đã học vào thực tế cuộc sống để giải quyết các vấn đề tự nhiên, kinh tế, xã hội, góp phần nâng cao chất lượng nguồn nhân lực của thành phố.

- Tiếp tục triển khai hiệu quả Đề án Phổ cập và nâng cao năng lực sử dụng tiếng Anh cho học sinh phổ thông và chuyên nghiệp. Tích cực đề xuất Bộ Giáo dục và Đào tạo thực hiện thí điểm, vận dụng, tích hợp các chương trình, giáo trình tiên tiến ở các nước đối với các bộ môn tiếng Anh, Toán và khoa học để làm nền tảng cho việc cập nhật, nâng cao, mở rộng kiến thức cho học sinh thành phố, đáp ứng nhu cầu, nguyện vọng của nhân dân thành phố.

- Xây dựng và triển khai thực hiện đề án “Đào tạo, bồi dưỡng học sinh giỏi thành phố” nhằm đào tạo, bồi dưỡng nhân tài cho thành phố đáp ứng nhu cầu nguồn nhân lực chất lượng cao của thành phố. Triển khai thực hiện Đề án Xây dựng xã hội học tập đến năm 2020 trên địa bàn thành phố.

- Tăng cường chỉ đạo, kiểm tra, giám sát các cơ sở giáo dục, đảm bảo không có cơ sở giáo dục nào yếu kém; kiên quyết xử lý các đơn vị thực hiện không đúng quy định.

- Mở rộng hợp tác quốc tế về phát triển giáo dục và đào tạo nhằm giảm dần khoảng cách giữa giáo dục và đào tạo thành phố và các nước phát triển; đẩy mạnh công tác phân luồng học sinh sau trung học.

3. Phát triển đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục

- Tiếp tục phân cấp mạnh công tác tuyển dụng giáo viên; đổi mới công tác tuyển dụng, đào tạo, bồi dưỡng giáo viên đáp ứng nhu cầu đổi mới nhà trường theo hướng tiên tiến, hiện đại, hội nhập khu vực và quốc tế.

- Xây dựng và triển khai Đề án “Đào tạo, bồi dưỡng cán bộ quản lý, giáo viên thành phố” nhằm chủ động cung cấp đội ngũ giáo viên cho thành phố (đặc biệt là giáo viên mầm non và tiểu học). Xây dựng kế hoạch thành lập Trung tâm đào tạo, bồi dưỡng ngoại ngữ, tin học cho giáo viên thành phố nhằm nâng cao trình độ ngoại ngữ, tin học theo chuẩn quốc tế cho giáo viên, cán bộ quản lý giáo dục thành phố.

- Quy hoạch phát triển đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục đến năm 2020. Ban hành cơ chế, chính sách đãi ngộ để thu hút giáo viên và cán bộ quản lý giáo dục có năng lực, chuyên môn giỏi, tạo động lực tiếp tục nâng cao trình độ, phấn đấu cho nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục của thành phố.

4. Tăng nguồn lực đầu tư, đổi mới cơ chế tài chính giáo dục và tăng cường cơ sở vật chất

- Tiếp tục đổi mới cơ chế tài chính giáo dục nhằm huy động, phân bổ và sử dụng hiệu quả các nguồn lực của nhà nước và xã hội đầu tư cho giáo dục, nâng cao tính tự chủ của các cơ sở giáo dục, đảm bảo minh bạch và trách nhiệm đối với Nhà nước, người học và xã hội.

- Thực hiện nghiêm túc Nghị quyết của Hội đồng nhân dân thành phố tại kỳ họp lần thứ X - Khóa VIII về triển khai thực hiện Nghị định 49/NĐ-CP của Chính phủ về cơ chế thu và sử dụng học phí, trên cơ sở đảm bảo mức phân bổ ngân sách đủ cho việc miễn học phí ở bậc tiểu học và các trường công lập tự chủ tài chính theo Quyết định 54/2006/QĐ-UBND ngày 10 tháng 4 năm 2006 của Ủy ban nhân dân thành phố; tiếp tục thực hiện miễn giảm học phí cho học sinh diện chính sách, diện xã hội ...

- Đẩy mạnh công tác xây dựng cơ sở vật chất trường lớp; trang thiết bị hiện đại phục vụ học tập và giảng dạy. Phối hợp các sở, ban, ngành, quận - huyện trình Ủy ban nhân dân thành phố phê duyệt điều chỉnh qui hoạch chi tiết mạng lưới trường học trên địa bàn thành phố phù hợp tình hình mới, đảm bảo sự phát triển của ngành đến năm 2020.

- Tăng cường đầu tư xây dựng cơ bản, đẩy nhanh tiến độ xây dựng trường phổ thông đạt chuẩn quốc gia; mở rộng mô hình trường tiên tiến theo xu thế hội nhập quốc tế; đầu tư phát triển các trường chuyên, trường năng khiếu đảm bảo thực hiện thành công đề án “Đào tạo, bồi dưỡng học sinh giỏi thành phố”.

- Đầu tư ngân sách nhà nước có định hướng, trọng điểm, không bình quân dàn trải cho các cơ sở giáo dục công lập theo hướng đầu tư đến đâu đạt chuẩn đến đó.

Từng bước chuẩn hóa, hiện đại cơ sở vật chất nhà trường, đảm bảo đủ nguồn lực tài chính và phương tiện dạy học tối thiểu của tất cả các cơ sở giáo dục.

- Đẩy mạnh xã hội hóa giáo dục, thu hút nguồn nhân lực của toàn xã hội để đầu tư, phát triển giáo dục và đào tạo.

Ủy ban nhân dân thành phố yêu cầu Sở Giáo dục và Đào tạo, các Sở - ngành thành phố và Ủy ban nhân dân các quận - huyện triển khai thực hiện nghiêm túc Chỉ thị này. Đề nghị các Cấp ủy Đảng, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, đoàn thể các cấp, các tổ chức xã hội quan tâm hỗ trợ, tạo điều kiện thuận lợi để ngành giáo dục và đào tạo thành phố thực hiện thắng lợi các nhiệm vụ năm học 2013 - 2014./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Hứa Ngọc Thuận

PHẦN VĂN BẢN KHÁC**ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ****ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 4228/QĐ-UBND

*Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 07 tháng 8 năm 2013***QUYẾT ĐỊNH**

**Ban hành Kế hoạch Thực hiện Chương trình hành động
số 29-CTrHD/TU ngày 21 tháng 12 năm 2012 của Thành ủy thực hiện Nghị
quyết số 09-NQ/TW ngày 09 tháng 12 năm 2011 của Bộ Chính trị
về xây dựng và phát huy vai trò của đội ngũ doanh nhân Việt Nam
trong thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa
và hội nhập quốc tế giai đoạn 2013 - 2020**

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Nghị quyết số 09-NQ/TW ngày 09 tháng 12 năm 2011 của Bộ Chính trị về xây dựng và phát huy vai trò của đội ngũ doanh nhân Việt Nam trong thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập quốc tế;

Căn cứ Chương trình hành động số 29-CTrHD/TU ngày 21 tháng 12 năm 2012 của Thành ủy thành phố Hồ Chí Minh thực hiện Nghị quyết số 09-NQ/TW ngày 09 tháng 12 năm 2011 của Bộ Chính trị về xây dựng và phát huy vai trò của đội ngũ doanh nhân Việt Nam trong thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập quốc tế;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Công Thương tại Tờ trình số 3243/TTr-SCT ngày 03 tháng 4 năm 2013,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Kế hoạch thực hiện Chương trình hành động số 29-CTrHD/TU ngày 21 tháng 12 năm 2012 của Thành ủy thực hiện Nghị quyết số 09-NQ/TW ngày 09 tháng 12 năm 2011 của Bộ Chính trị về xây dựng và phát huy vai trò của đội ngũ doanh nhân Việt Nam trong thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập quốc tế giai đoạn 2013 - 2015.

Điều 2. Thủ trưởng các sở, ban, ngành, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các quận, huyện, Giám đốc các cơ quan, đơn vị thuộc thành phố căn cứ chức năng nhiệm vụ được giao và nội dung Kế hoạch này xây dựng Chương trình, kế hoạch, đề án cụ thể triển khai thực hiện đạt hiệu quả cao nhất các nội dung trọng tâm và những giải pháp của kế hoạch đề ra; báo cáo kết quả thực hiện về Sở Công Thương định kỳ 6 tháng và hàng năm.

Điều 3. Giao Sở Công Thương làm cơ quan theo dõi, kiểm tra, đôn đốc thực hiện kế hoạch; định kỳ sáu tháng và hàng năm báo cáo kết quả thực hiện và đề xuất điều chỉnh, bổ sung nội dung, chỉ tiêu, giải pháp cụ thể kế hoạch, trình Ủy ban nhân dân thành phố xem xét, quyết định.

Điều 4. Quyết định này có hiệu lực thi hành, kể từ ngày ký.

Điều 5. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố, Giám đốc Sở Công Thương, Thủ trưởng các sở, ban, ngành thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các quận, huyện, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị thuộc thành phố chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Lê Mạnh Hà

**ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

KẾ HOẠCH

Thực hiện Chương trình hành động số 29-CTrHĐ/TU ngày 21 tháng 12 năm 2012 của Thành ủy thực hiện Nghị quyết số 09-NQ/TW ngày 09 tháng 12 năm 2011 của Bộ Chính trị về xây dựng và phát huy vai trò của đội ngũ doanh nhân Việt Nam trong thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập quốc tế giai đoạn 2013 - 2020

(Ban hành kèm theo Quyết định số 4228/QĐ-UBND ngày 07 tháng 8 năm 2013 của Ủy ban nhân dân thành phố)

Thực hiện Chương trình hành động số 29-CTrHĐ/TU ngày 21 tháng 12 năm 2012 của Ban Thường vụ Thành ủy thành phố Hồ Chí Minh thực hiện Nghị quyết số 09-NQ/TW ngày 09 tháng 12 năm 2011 của Bộ Chính trị về “Xây dựng và phát huy vai trò của đội ngũ doanh nhân Việt Nam trong thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập quốc tế”, Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh ban hành kế hoạch tổ chức thực hiện với những nội dung cụ thể như sau:

I. MỤC TIÊU VÀ YÊU CẦU

1. Mục tiêu chung

a) Nâng cao nhận thức trách nhiệm của các cấp ủy, chính quyền, đoàn thể và cán bộ công chức viên chức của thành phố về vị trí, vai trò của đội ngũ doanh nhân, doanh nghiệp đối với sự phát triển kinh tế - xã hội của Thành phố.

b) Xây dựng đội ngũ doanh nhân lớn mạnh cả về số lượng, chất lượng; có năng lực, trình độ, phẩm chất, đạo đức, văn hóa kinh doanh, trách nhiệm xã hội, đảm bảo yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội nhanh, bền vững, góp phần đẩy mạnh công nghiệp hóa - hiện đại hóa và hội nhập kinh tế quốc tế.

2. Mục tiêu cụ thể

a) Xây dựng và phát huy vai trò đội ngũ doanh nhân có đủ năng lực tham gia phát triển kinh tế thành phố nhằm đạt các mục tiêu đến năm 2015:

- Tỷ trọng ngành dịch vụ chiếm 57% GDP, công nghiệp 42% GDP, nông nghiệp 01% GDP;

- Tốc độ tăng trưởng giá trị gia tăng của ngành dịch vụ bình quân 13%/năm; tốc độ tăng trưởng giá trị gia tăng của ngành công nghiệp bình quân 11%/năm, tốc độ tăng trưởng giá trị gia tăng của ngành nông nghiệp bình quân 5%/năm cho đến năm 2020.

b) Phân đấu đến năm 2020 một số doanh nhân và doanh nghiệp Thành phố đạt tầm khu vực Đông Nam Á và Châu Á.

c) Phân đấu đến năm 2020 trên 50% số lượng doanh nghiệp Thành phố và trên 30% số doanh nhân thành phố tham gia vào các Hội ngành nghề.

3. Yêu cầu của kế hoạch

a) Tận dụng và phát huy tối đa lợi thế của thành phố về vị trí địa lý, kinh tế, văn hóa, giáo dục, khoa học và công nghệ để tạo điều kiện thuận lợi cho doanh nhân tổ chức hoạt động sản xuất kinh doanh có hiệu quả; nâng cao và phát huy vai trò của doanh nhân trong việc đóng góp cho nền kinh tế của thành phố.

b) Xây dựng và phát huy vai trò đội ngũ doanh nhân là trách nhiệm của cả hệ thống chính trị thành phố và của các tổ chức đại diện của cộng đồng doanh nghiệp và đội ngũ doanh nhân.

c) Xây dựng và phát huy vai trò đội ngũ doanh nhân là công việc lâu dài, đòi hỏi phải có sự tham gia tích cực, đồng bộ từ tất cả các cơ quan, các ngành các cấp và các Ủy ban nhân dân quận, huyện. Kế hoạch phải được triển khai thường xuyên, liên tục, phải luôn cập nhật điều chỉnh kịp thời phù hợp với tình hình phát triển của đội ngũ doanh nhân thành phố.

II. NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP

1. Tạo môi trường sản xuất kinh doanh bình đẳng và thuận lợi cho doanh nhân

a) Các giải pháp chung

- Công khai các quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội của thành phố, quận - huyện, các quy hoạch phát triển ngành, lĩnh vực, quy hoạch phát triển hạ tầng kỹ thuật; công khai và triển khai các cơ chế, chính sách hỗ trợ của Trung ương, của Thành phố trên trang thông tin điện tử của thành phố và của Sở, ngành, Ủy ban nhân dân quận - huyện.

- Thực hiện tốt quy định và niêm yết công khai các hồ sơ, quy trình giải quyết thủ tục hành chính của đơn vị; xây dựng quy chế của đơn vị rõ ràng, cụ thể để nâng cao chất lượng giải quyết công việc; nâng cao công tác phối hợp giữa các Sở ngành của thành phố và giữa các quận, huyện với các Sở ngành.

- Rà soát các văn bản quy phạm pháp luật, cơ chế, chính sách của thành phố liên

quan đến hỗ trợ và phát triển doanh nghiệp, doanh nhân để kịp thời điều chỉnh, bổ sung cho phù hợp. Thực hiện có hiệu quả các chính sách khuyến khích, ưu đãi đầu tư trên địa bàn thành phố; tạo điều kiện thuận lợi để các doanh nghiệp trên địa bàn thực hiện các chương trình, dự án sản xuất kinh doanh.

- Nâng cao chất lượng và hiệu quả của hệ thống đối thoại doanh nghiệp. Tổ chức các buổi tiếp xúc doanh nghiệp theo định kỳ mỗi tháng hoặc mỗi quý tùy theo tình hình cụ thể tại mỗi ngành, mỗi quận, huyện nhằm giải quyết hoặc kiến nghị đến các cấp có thẩm quyền giải quyết kịp thời những khó khăn, vướng mắc của doanh nghiệp, doanh nhân.

Phân công thực hiện: Các Sở, Ngành của thành phố, Ủy ban nhân dân các quận, huyện căn cứ vào chức năng, nhiệm vụ tổ chức thực hiện.

Ngoài những giải pháp chung, các Sở ngành và Ủy ban nhân dân các quận, huyện triển khai các nhiệm vụ chi tiết, phù hợp nhằm tạo môi trường sản xuất kinh doanh thuận lợi cho doanh nghiệp.

b) Tuyên truyền, phổ biến pháp luật có liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh như Luật Đầu tư, Luật Doanh nghiệp, Luật Thuế, Luật Hải quan... nhằm cung cấp đầy đủ cho doanh nhân nắm các thông tin về luật pháp để chấp hành trong quá trình tổ chức đầu tư và sản xuất, kinh doanh.

Phân công thực hiện: Sở Tư pháp chủ trì, phối hợp cùng Sở Thông tin và Truyền thông, Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Công Thương, Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Cục Thuế thành phố, Hiệp hội doanh nghiệp thành phố, các Hội ngành nghề, Đài Truyền hình thành phố và Đài Tiếng nói nhân dân thành phố triển khai thực hiện.

c) Triển khai thực hiện Chiến lược cải cách thuế giai đoạn 2011 - 2020 đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại quyết định số 732/QĐ-TTg ngày 17 tháng 5 năm 2011. Chú trọng công tác quản lý thuế theo hướng nâng cao hiệu quả, giảm bớt phiền hà cho doanh nghiệp. Tăng cường hướng dẫn doanh nghiệp thực hiện kê khai thuế, nộp thuế, hoàn thuế theo quy định.

- Thực hiện rà soát Thủ tục hành chính về thuế, qua đó kiến nghị Bộ Tài chính, Tổng cục thuế loại bỏ những cơ chế, chính sách không còn phù hợp, góp phần tháo gỡ khó khăn cho doanh nghiệp, doanh nhân.

- Hoàn thiện, nâng cao chất lượng vận hành “cơ chế một cửa” tại văn phòng Cục Thuế.

- Thực hiện công khai minh bạch các thủ tục hành chính về thuế.

- Xây dựng Quy chế phối hợp luân chuyển hồ sơ xác định nghĩa vụ tài chính về

đất của các tổ chức và cá nhân được giao đất, chuyển mục đích sử dụng đất, cho thuê đất.

- Triển khai kết nối dữ liệu với các Ngân hàng thương mại để thực hiện thu, nộp thuế qua phương tiện điện tử.

- Tuyên truyền hỗ trợ, lắng nghe ý kiến của doanh nhân doanh nghiệp.

Phân công thực hiện: Cục thuế thành phố.

d) Khẩn trương xây dựng quy hoạch ngành thương mại, quy hoạch ngành công nghiệp hỗ trợ; rà soát, điều chỉnh và bổ sung các quy hoạch phát triển ngành công nghiệp thành phố, quy hoạch và đẩy mạnh phát triển ngành cơ khí và quy hoạch ngành hóa chất, ngành công nghiệp dệt may, quy hoạch cụm công nghiệp trên địa bàn thành phố. Đẩy nhanh tiến độ triển khai thực hiện các nội dung cụ thể của các chương trình, đề án đã được hoàn thành trong giai đoạn 2006 - 2010 gồm: Chương trình chuyển dịch cơ cấu hàng xuất khẩu; đề án xây dựng kênh phân phối bán buôn, bán lẻ; đề án phát triển hệ thống thương mại điện tử,... nhằm đảm bảo đẩy mạnh hoạt động thương mại, xuất nhập khẩu của thành phố; đảm bảo đa dạng hóa về quy mô, loại hình doanh nghiệp, hình thức sở hữu và thành phần kinh tế hoạt động trong lĩnh vực thương mại; đổi mới phương thức tổ chức phân phối, kinh doanh theo hướng chuyên nghiệp, văn minh, hiện đại.

Phân công thực hiện: Sở Công Thương chủ trì, phối hợp với các Sở, ngành có liên quan triển khai thực hiện.

đ) Công bố quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất cùng với quy hoạch xây dựng chi tiết theo vùng, khu vực, dự án; thực hiện quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/2000 làm cơ sở bố trí trên thực tế các công trình, dự án cụ thể để tạo điều kiện thuận lợi cho doanh nhân khi lựa chọn phương án đầu tư.

Nghiên cứu đề xuất các chính sách của thành phố về đất, tạo điều kiện thuận lợi cho các doanh nghiệp có địa điểm đầu tư và mở rộng hoạt động sản xuất kinh doanh.

Phân công thực hiện: Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở Quy hoạch - Kiến trúc, Ủy ban nhân dân các quận, huyện.

e) Tập trung đẩy mạnh cải cách hành chính sâu, rộng và hiệu quả theo hướng công khai minh bạch, tạo môi trường đầu tư lành mạnh, thuận lợi nhất cho doanh nhân, doanh nghiệp hoạt động sản xuất kinh doanh. Trong đó, tập trung hoàn thiện và nâng cao hiệu quả công tác xây dựng, ban hành văn bản quy phạm pháp luật, đơn giản hóa thủ tục hành chính. Triển khai đồng bộ và nâng cao tính hiệu quả của cơ chế “một cửa”, “một cửa liên thông”; thực hiện công khai minh bạch, hướng dẫn rõ ràng

và thường xuyên cập nhật thông tin trên các lĩnh vực quản lý xây dựng, nhà đất, cấp giấy phép đầu tư, thành lập doanh nghiệp, kê khai và nộp thuế, phí và lệ phí...

Xây dựng và nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa - hiện đại hóa thành phố. Tập trung xây dựng kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức theo chương trình đào tạo nguồn nhân lực của thành phố giai đoạn 2011 - 2015 và cho giai đoạn đến 2020, đổi mới công tác tuyển dụng cán bộ, công chức có đủ năng lực phục vụ các nhiệm vụ quản lý nhà nước của thành phố, đồng thời xây dựng chương trình hoặc đề án cải cách chế độ tiền lương hoặc chính sách đãi ngộ nhân tài cho cán bộ công chức, viên chức của thành phố.

Xây dựng và triển khai Đề án Nâng cao chất lượng công chức thành phố giai đoạn 2015-2020.

Phân công thực hiện: Sở Nội vụ chủ trì, phối hợp với các Sở, ngành, Ủy ban nhân dân các dân quận, huyện.

g) Hiện đại hóa nền hành chính, nâng cao hiệu quả ứng dụng công nghệ thông tin phục vụ tốt yêu cầu lãnh đạo và quản lý. Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong cơ quan nhà nước, nâng cao hiệu quả công tác quản lý nhà nước nhằm phục vụ tốt doanh nhân, doanh nghiệp. Hoàn thiện và nâng cao hiệu quả hoạt động của hệ thống “một cửa điện tử” để cung cấp dịch vụ công qua mạng, công khai quá trình xử lý hồ sơ của doanh nghiệp.

Phân công thực hiện: Sở Thông tin và Truyền thông chủ trì, phối hợp với Sở Nội vụ, Sở Kế hoạch và Đầu tư, Ủy ban nhân dân các quận-huyện.

h) Phát huy lợi thế của thành phố là trung tâm khoa học công nghệ để hỗ trợ doanh nghiệp phát nâng cao năng suất, chất lượng. Thực hiện có hiệu quả các chương trình, đề án, dự án hỗ trợ doanh nghiệp đổi mới công nghệ, thương mại hóa sản phẩm khoa học công nghệ. Sản xuất sạch hơn, tiết kiệm năng lượng và thân thiện môi trường. Tạo điều kiện cho doanh nhân, doanh nghiệp tham gia các chương trình hỗ trợ nghiên cứu, phát triển công nghệ sản xuất, đăng ký và bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ, áp dụng các hệ thống quản lý tiên tiến. Tăng cường mối liên kết giữa khoa học và sản xuất. Xây dựng cơ chế, chính sách tạo điều kiện thúc đẩy các dịch vụ khoa học - công nghệ và tư vấn, nhằm tạo bước phát triển đột phá trên một số lĩnh vực như: chuyển giao công nghệ, phát triển các sản phẩm ứng dụng công nghệ cao; khuyến khích, hỗ trợ hoạt động nghiên cứu khoa học và triển khai ứng dụng vào sản xuất.

Phân công thực hiện: Sở Khoa học và công nghệ chủ trì triển khai thực hiện.

i) Chỉ đạo các tổ chức tính dụng trên địa bàn đẩy mạnh các biện pháp huy động

vốn, thực hiện nghiêm chính sách tiền tệ, tín dụng và chỉ đạo của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam; công khai, hướng dẫn quy trình, thủ tục, tạo thuận lợi cho các doanh nghiệp vay vốn đầu tư phát triển sản xuất kinh doanh.

Phân công thực hiện: Ngân hàng nhà nước Việt Nam chi nhánh thành phố Hồ Chí Minh chủ trì, triển khai.

2. Hỗ trợ đội ngũ doanh nhân mở rộng quy mô, nâng cao hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp, khuyến khích phát triển doanh nhân khu vực nông thôn:

a) Triển khai tốt công tác khuyến công theo quy định tại Nghị định số 45/2012/NĐ-CP của Chính phủ và Thông tư số 46/2012/TT-BCT của Bộ Công Thương. Hỗ trợ doanh nhân đầu tư phát triển công nghiệp nông thôn, lựa chọn sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu tham gia các hoạt động xúc tiến thương mại của Trung ương và các thành phố. Tiếp tục phát huy kết quả đạt được của Chương trình xúc tiến thương mại, Hội chợ Expo hàng năm để hỗ trợ doanh nghiệp tìm kiếm và mở rộng thị trường.

Phân công thực hiện: Sở Công Thương chủ trì, phối hợp cùng Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Ủy ban nhân dân các quận, huyện.

b) Nghiên cứu, đề xuất các chính sách hỗ trợ phát triển doanh nghiệp và đội ngũ doanh nhân hoạt động trong lĩnh vực nông nghiệp trên địa bàn thành phố, tạo môi trường thuận lợi thu hút đầu tư trong lĩnh vực nông nghiệp.

- Nghiên cứu, hoàn thiện chính sách khuyến khích chuyển dịch cơ cấu nông nghiệp theo hướng nông nghiệp đô thị trên địa bàn thành phố giai đoạn 2011 - 2015 theo Quyết định số 36/2011/QĐ-UBND ngày 10 tháng 6 năm 2011 của Ủy ban nhân dân thành phố, tạo động lực thúc đẩy doanh nghiệp đầu tư, chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi theo định hướng của thành phố.

- Đề xuất các cơ chế, chính sách tạo điều kiện cho các doanh nghiệp có nhu cầu sử dụng đất phục vụ sản xuất nông nghiệp, hình thành các vùng sản xuất nông nghiệp ổn định, tập trung, ứng dụng công nghệ cao, công nghệ sinh học.

- Đẩy mạnh liên kết với các tỉnh về hợp tác sản xuất, kiểm soát chất lượng an toàn thực phẩm và tiêu thụ hàng hóa nông sản; xây dựng các vùng nguyên liệu nhằm cung cấp cho ngành công nghiệp chế biến của thành phố.

Phân công thực hiện: Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chủ trì, triển khai thực hiện.

c) Tiếp tục triển khai Chương trình kích cầu thông qua đầu tư (theo Quyết định

số 33/2011/QĐ-UBND ngày 28 tháng 5 năm 2011 của Ủy ban nhân dân thành phố) hỗ trợ doanh nghiệp tiếp cận được các nguồn vốn ngân hàng, tổ chức tín dụng, giảm bớt chi phí vay vốn, góp phần giảm giá thành sản phẩm, tăng khả năng cạnh tranh, tiêu thụ hàng hóa và dịch vụ trên thị trường đồng thời góp phần thúc đẩy tiến trình chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa. Thường xuyên rà soát, đánh giá hiệu quả và những hạn chế phát sinh của Chương trình kịp thời điều chỉnh cho phù hợp với tình hình thực tiễn, tạo điều kiện để các doanh nghiệp nhỏ tiếp cận được với Chương trình.

Triển khai thực hiện có hiệu quả Nghị định số 56/2009/NĐ-CP ngày 30 tháng 6 năm 2009 của Chính phủ về trợ giúp phát triển doanh nghiệp nhỏ và vừa; Nghị quyết số 22/NQ-CP ngày 05 tháng 5 năm 2010 của Chính phủ về việc triển khai thực hiện Nghị định số 56/2009/NĐ-CP ngày 30 tháng 6 năm 2009 của Chính phủ về trợ giúp phát triển doanh nghiệp nhỏ và vừa. Tăng cường hướng dẫn doanh nghiệp xây dựng chiến lược, kế hoạch kinh doanh dựa trên các quy hoạch, định hướng phát triển kinh tế - xã hội của thành phố nhằm khai thác có hiệu quả các tiềm năng, lợi thế của thành phố.

Khuyến khích các chủ hộ kinh doanh cá thể đầu tư vốn, mở rộng quy mô kinh doanh, khuyến khích các chủ hộ có đủ điều kiện thành lập doanh nghiệp theo Luật Doanh nghiệp.

Thực hiện có hiệu quả chính sách ưu đãi và hỗ trợ đầu tư cho các doanh nhân, doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn theo quy định tại Nghị định số 61/2010/NĐ-CP ngày 04 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ về chính sách khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp nông thôn.

Phân công thực hiện: Sở Kế hoạch và Đầu tư là cơ quan đầu mối theo dõi công tác tổ chức triển khai, tổng hợp báo cáo tình hình thực hiện các chương trình trợ giúp. Đồng thời phối hợp với các Sở, ngành, Hiệp hội doanh nghiệp thành phố và Ủy ban nhân dân các quận, huyện nghiên cứu đề xuất các chính sách.

d) Củng cố hoạt động của Trung tâm tư vấn hỗ trợ doanh nghiệp công nghiệp thành phố: Tăng cường chức năng tư vấn hỗ trợ cho Trung tâm, tập trung vào các lĩnh vực tư vấn các chính sách hỗ trợ của Thành phố và Trung ương đối với doanh nghiệp, làm đầu mối giúp các doanh nghiệp tiếp cận với các chính sách hỗ trợ, lập các thủ tục hưởng ưu đãi.

Phân công thực hiện: Sở Công Thương chủ trì xây dựng đề án củng cố và tăng cường năng lực tư vấn hỗ trợ của trung tâm tư vấn hỗ trợ doanh nghiệp công nghiệp.

Thời gian thực hiện: giai đoạn 2013 - 2015 và 5 năm tiếp sau.

3. Đào tạo và bồi dưỡng đội ngũ doanh nhân thành phố

a) Triển khai Chương trình đào tạo đội ngũ doanh nhân trong khuôn khổ Chương trình nâng cao chất lượng nguồn nhân lực thành phố (ban hành kèm theo Quyết định số 22/2011/QĐ-UBND ngày 14 tháng 05 năm 2011 của Ủy ban nhân dân thành phố).

Phân công thực hiện: Sở Kế hoạch và Đầu tư chủ trì, phối hợp Viện Nghiên cứu phát triển thành phố, Sở Công Thương, Trung tâm Xúc tiến Thương mại và Đầu tư, các trường Đại học, Hiệp hội doanh nghiệp và các Hội ngành nghề, Thành đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh triển khai thực hiện.

b) Xây dựng đề tài nghiên cứu về thực trạng đội ngũ doanh nhân thành phố nhằm đề xuất các giải pháp nâng cao năng lực của đội ngũ doanh nhân.

Phân công thực hiện: Viện nghiên cứu phát triển thành phố chủ trì, phối hợp với Sở Khoa học và Công nghệ, Hiệp hội Doanh nghiệp thành phố triển khai.

c) Trên cơ sở kết quả nghiên cứu của Viện Nghiên cứu phát triển thành phố, triển khai xây dựng nội dung trình đào tạo cụ thể về kiến thức kinh doanh, quản lý, luật, quan hệ quốc tế, luật pháp quốc tế cho doanh nhân theo yêu cầu nội dung hiện đại, phù hợp với đặc điểm của doanh nhân Việt Nam và đáp ứng được nhu cầu phát triển của doanh nhân và doanh nghiệp; cập nhật vào Chương trình đào tạo đội ngũ doanh nhân (được ban hành kèm theo Quyết định số 22/2011/QĐ-UBND của Ủy ban nhân dân thành phố).

Phân công thực hiện: Sở Kế hoạch và Đầu tư chủ trì, phối hợp cùng Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh xây dựng chương trình.

4. Đề cao đạo đức, văn hóa kinh doanh, trách nhiệm xã hội, tinh thần dân tộc của đội ngũ doanh nhân, xây dựng quan hệ lao động hài hòa, ổn định, tiến bộ

a) Tổ chức đánh giá, sơ kết 5 năm thực hiện Kế hoạch số 7804/KH-UBND ngày 16 tháng 12 năm 2008 của Ủy ban nhân dân thành phố về thực hiện Thông tư số 17-TT/TU của Ban Thường vụ Thành ủy về tăng cường lãnh đạo, chỉ đạo xây dựng quan hệ lao động hài hòa, ổn định, tiến bộ trong doanh nghiệp theo Chỉ thị số 22-CT-TW của Ban Bí thư Nghiên cứu; đề xuất các giải pháp xây dựng quan hệ lao động hài hòa, tiến bộ, tăng cường gắn bó giữa doanh nhân và người lao động; Nghiên cứu triển khai "Đề án phát triển quan hệ lao động tại Thành phố Hồ Chí Minh cho giai đoạn năm 2013-2020", trong đó thí điểm các hoạt động tăng cường sự hợp tác, gắn bó giữa doanh nghiệp và người lao động, đề cao vai trò, trách nhiệm của doanh nhân trong thực hiện Đề án.

Phân công thực hiện: Sở Lao động Thương binh và Xã hội chủ trì, phối hợp

cùng Liên đoàn Lao động thành phố, Hiệp hội doanh nghiệp thành phố, các Hội ngành nghề và các Sở, ngành liên quan triển khai thực hiện.

b) Nghiên cứu xây dựng các chuẩn mực của doanh nhân thành phố trong nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa.

Phát động phong trào doanh nhân thi đua đề cao đạo đức, văn hóa kinh doanh; có trách nhiệm với người lao động, trách nhiệm với xã hội và có tinh thần dân tộc; không ngừng nâng cao năng lực kinh doanh.

Phân công thực hiện: Ban Thi đua Khen thưởng - Sở Nội vụ chủ trì, phối hợp Hiệp hội Doanh nghiệp thành phố, các Hội ngành nghề.

c) Kịp thời khen thưởng doanh nghiệp, doanh nhân tiêu biểu có nhiều đóng góp cho công tác an sinh xã hội, xóa đói giảm nghèo, đền ơn đáp nghĩa, chương trình vì cộng đồng.

Phân công thực hiện: Ban Thi đua Khen thưởng - Sở Nội vụ chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan.

d) Tổ chức tuyên truyền mỗi doanh nhân phải luôn rèn luyện, phấn đấu, vươn lên trong sản xuất kinh doanh và đời sống; nhận thức đầy đủ vị trí, vai trò, thực hiện tốt quyền và nghĩa vụ của doanh nhân; không ngừng nâng cao bản lĩnh chính trị, tuân thủ pháp luật, vươn lên làm giàu chính đáng; không ngừng học tập, nâng cao trình độ, năng lực kinh doanh và quản trị doanh nghiệp; thường xuyên rèn luyện đạo đức, lối sống, nếp sống văn minh, giữ gìn truyền thống văn hóa dân tộc; có trách nhiệm với người lao động, với cộng đồng xã hội; có đạo đức, văn hóa kinh doanh, đóng góp tích cực cho sự phát triển kinh tế - xã hội của thành phố, góp phần đẩy mạnh sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập quốc tế.

Phân công thực hiện: Sở Thông tin và Truyền thông chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan xây dựng kế hoạch tuyên truyền.

5. Phát huy vai trò của các tổ chức đại diện cộng đồng doanh nghiệp và đội ngũ doanh nhân

a) Nghiên cứu, đề xuất các giải pháp kiện toàn, nâng cao hiệu quả hoạt động của các hiệp hội, hội doanh nghiệp nhằm phát huy tối đa vai trò của hội đối với hoạt động của doanh nhân, doanh nghiệp; xây dựng mối liên kết gắn bó giữa doanh nghiệp với cơ quan quản lý nhà nước. Phát huy vai trò của hội trong việc phản ánh kịp thời những kiến nghị phù hợp của doanh nhân đến các cơ quan quản lý nhằm tạo sự đoàn kết, phát huy cao nhất nguồn lực cho phát triển thành phố.

Tăng cường công tác quản lý hội, đẩy mạnh công tác tuyên truyền phổ biến pháp luật về hội.

Phân công thực hiện: Sở Nội vụ chủ trì, phối hợp cùng Sở Công Thương và Hiệp hội doanh nghiệp thành phố, các Hội ngành nghề.

b) Tăng cường hỗ trợ doanh nhân trong hoạt động sản xuất kinh doanh, cung cấp các thông tin kịp thời các thông tin đến các doanh nhân, doanh nghiệp thành viên của hội, kịp thời phản ánh những khó khăn, nhu cầu hỗ trợ của doanh nhân, doanh nghiệp đến các cơ quan có thẩm quyền để kịp thời giải quyết; thực hiện tốt vai trò cầu nối giữa doanh nhân, doanh nghiệp và cơ quan quản lý nhà nước.

Phân công thực hiện: Hiệp hội Doanh nghiệp thành phố và các hội ngành nghề phối hợp với các cơ quan, ban, ngành, Ủy ban nhân dân các quận, huyện.

c) Phát huy và củng cố vai trò của các hội ngành nghề trong việc xây dựng đội ngũ doanh nhân. Xây dựng “Đề án nâng cao năng lực và tính chuyên nghiệp của các Hội ngành nghề trên địa bàn thành phố giai đoạn 2015 - 2020”.

Phân công thực hiện: Sở Nội vụ chủ trì, phối hợp cùng Hiệp hội Doanh nghiệp thành phố và các Hội ngành nghề.

III. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Các Sở, ngành, Ủy ban nhân dân các quận, huyện, các đơn vị liên quan tổ chức thực hiện các nội dung được phân công trong kế hoạch hành động.

2. Sở Công Thương là cơ quan theo dõi, kiểm tra việc triển khai thực hiện Kế hoạch. Định kỳ 6 tháng (trước ngày 20 tháng 6) và hàng năm (trước ngày 20 tháng 12), các cơ quan, đơn vị, quận - huyện gửi kết quả thực hiện cho Sở Công Thương tổng hợp báo cáo Ủy ban nhân dân thành phố.

3. Giao Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính tham mưu cho Ủy ban nhân dân thành phố bố trí kinh phí thực hiện Kế hoạch hành động. Ủy ban nhân dân quận, huyện bố trí kế hoạch sử dụng kinh phí của địa phương để thực hiện./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Lê Mạnh Hà

**ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 4230/QĐ-UBND

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 08 tháng 8 năm 2013

QUYẾT ĐỊNH

**Phê duyệt Đề án nông thôn mới xã Hưng Long,
huyện Bình Chánh giai đoạn 2013 - 2015**

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Nghị quyết số 24/2008/NQ-CP ngày 28 tháng 10 năm 2008 của Chính phủ về ban hành Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 26-NQ/TW ngày 05 tháng 8 năm 2008 của Hội nghị lần thứ 7 Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa X về nông nghiệp, nông dân, nông thôn;

Căn cứ Quyết định số 491/QĐ-TTg ngày 16 tháng 4 năm 2009 của Thủ tướng Chính phủ về ban hành Bộ tiêu chí quốc gia về nông thôn mới;

Căn cứ Quyết định số 800/QĐ-TTg ngày 04 tháng 6 năm 2010 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia về xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2010 - 2020;

Căn cứ Quyết định số 695/QĐ-TTg ngày 08 tháng 6 năm 2012 của Thủ tướng Chính phủ về sửa đổi nguyên tắc cơ chế hỗ trợ vốn thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia về xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2010 - 2020;

Căn cứ Thông tư số 54/2009/TT-BNNPTNT ngày 21 tháng 8 năm 2009 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hướng dẫn thực hiện Bộ tiêu chí quốc gia về nông thôn mới;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 26/2011/TTLT-BNNPTNT-BKHĐT-BTC ngày 13 tháng 4 năm 2011 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn - Bộ Kế hoạch và Đầu tư - Bộ Tài chính về hướng dẫn một số nội dung thực hiện Quyết định số 800/QĐ-TTg ngày 04 tháng 6 năm 2010 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2010 - 2020;

Căn cứ Quyết định số 15/2011/QĐ-UBND ngày 18 tháng 3 năm 2011 của Ủy ban nhân dân thành phố về việc ban hành Chương trình mục tiêu về xây dựng nông thôn mới trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh giai đoạn 2010 - 2020;

Căn cứ Quyết định số 10/2009/QĐ-UBND ngày 22 tháng 01 năm 2009 của Ủy ban nhân dân thành phố về ban hành Kế hoạch của Ủy ban nhân dân thành phố thực hiện Chương trình hành động số 43-CTr/TU ngày 20 tháng 10 năm 2008 của Thành ủy về nông nghiệp, nông dân, nông thôn theo Nghị quyết số 26-NQ/TW ngày 05 tháng 8 năm 2008 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa X;

Căn cứ Quyết định số 5930/QĐ-UBND ngày 28 tháng 12 năm 2009 của Ủy ban nhân dân thành phố về phê duyệt “Quy hoạch sản xuất nông nghiệp phát triển nông thôn Thành phố Hồ Chí Minh đến năm 2020 và tầm nhìn đến năm 2025”;

Xét Tờ trình số 02/TTr-BQL ngày 08 tháng 7 năm 2013 của Ban Quản lý xây dựng nông thôn mới xã Hưng Long, huyện Bình Chánh về việc phê duyệt Đề án Nông thôn mới xã Hưng Long, huyện Bình Chánh giai đoạn 2013 - 2015 có ý kiến phê duyệt của Ban Chỉ đạo Chương trình xây dựng nông thôn mới huyện Bình Chánh, ý kiến đề xuất của Tổ Công tác giúp việc Ban Chỉ đạo Chương trình xây dựng nông thôn mới thành phố tại Thông báo số 344/TB-TCT ngày 09 tháng 11 năm 2012; đề xuất của Liên Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn - Sở Kế hoạch và Đầu tư - Sở Tài chính tại Tờ trình số 1343/TTr-NNPTNT-KHĐT-TC ngày 16 tháng 7 năm 2013 về phê duyệt đề án xây dựng nông thôn mới xã Hưng Long, huyện Bình Chánh giai đoạn 2013 - 2015,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Nay phê duyệt Đề án nông thôn mới xã Hưng Long, huyện Bình Chánh giai đoạn 2013 - 2015 *(theo nội dung đề án đính kèm)*.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký. Trong quá trình tổ chức thực hiện, nếu có phát sinh thay đổi về cơ chế, chính sách đầu tư xã nông thôn mới, Tổ Công tác giúp việc Ban Chỉ đạo Chương trình xây dựng nông thôn mới thành phố phối hợp với Ban Chỉ đạo Chương trình xây dựng nông thôn mới huyện Bình Chánh, Ban Quản lý xây dựng nông thôn mới xã Hưng Long nghiên cứu, đề xuất kịp thời điều chỉnh, bổ sung.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố, Giám đốc các Sở: Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Tài chính, Kế hoạch và Đầu tư, Giao thông vận tải và

các Sở, ngành liên quan, Trưởng Ban Chỉ đạo Chương trình xây dựng nông thôn mới huyện Bình Chánh và Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Bình Chánh, Trưởng Ban Quản lý xây dựng nông thôn mới xã Hưng Long và Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã Hưng Long, huyện Bình Chánh có trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Lê Mạnh Hà

**ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

ĐỀ ÁN

Xây dựng nông thôn mới xã Hưng Long, huyện Bình Chánh giai đoạn 2013 - 2015

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 4230/QĐ-UBND
ngày 08 tháng 8 năm 2013 của Ủy ban nhân dân thành phố)*

Phần I

THỰC TRẠNG NÔNG THÔN XÃ HƯNG LONG, HUYỆN BÌNH CHÁNH

I. ĐIỀU KIỆN TỰ NHIÊN - DÂN SỐ LAO ĐỘNG

1. Đặc điểm tự nhiên

Hưng Long là một xã nằm phía Nam huyện Bình Chánh, ngoại thành phía Tây Nam của Thành phố Hồ Chí Minh, cách trung tâm huyện Bình Chánh khoảng 10 km và cách trung tâm Thành phố Hồ Chí Minh khoảng 28km.

Có vị trí tiếp giáp như sau:

- Phía Đông giáp xã Phong Phú và xã Quy Đức;
- Phía Tây giáp xã An Phú Tây và xã Tân Quý Tây;
- Phía Nam giáp xã Quy Đức và tỉnh Long An;
- Phía Bắc giáp sông Cần Giuộc và giáp xã Phong Phú.

Diện tích tự nhiên: 1.297,4 ha, chiếm 11,88% diện tích tự nhiên của huyện. Xã được chia thành 06 ấp, gồm: ấp 1, 2, 3, 4, 5, 6 với 106 tổ nhân dân.

2. Dân số

- Toàn xã có 20.236 nhân khẩu, gồm 4.187 hộ gia đình. Dân số của xã phân bố không đồng đều tại các ấp, chủ yếu tập trung dọc theo các trục đường chính trong xã (Hưng Long - Qui Đức, Hưng Long - An Phú Tây, Đoàn Nguyễn Tuân) thuận lợi cho sản xuất và kinh doanh.

- Về dân tộc: có 2 nhóm dân tộc chính, gồm: dân tộc Kinh (20.027 người), dân tộc Hoa (127 người), còn lại là các nhóm dân tộc khác (82 người).

- Về tôn giáo: có 2 nhóm tôn giáo chính là Phật Giáo (chiếm đa số) và Cao Đài (1.248 người, chiếm 6,16%).

II. ĐIỀU KIỆN KINH TẾ - XÃ HỘI

1. Quy hoạch

Nhiệm vụ quy hoạch đã được phê duyệt theo Quyết định số 1976/QĐ-UBND ngày 23 tháng 4 năm 2012 của Ủy ban nhân dân huyện Bình Chánh về duyệt Quy hoạch xây dựng xã nông thôn mới xã Hưng Long, huyện Bình Chánh.

Đã hợp đồng với Công ty Cổ phần Tư vấn kiến trúc và xây dựng Thành phố Hồ Chí Minh (ACCCo) tư vấn lập quy hoạch phát triển hạ tầng kinh tế, xã hội, môi trường, phát triển các khu dân cư mới. Hiện đã thông qua Đảng ủy và Ban quản lý xây dựng nông thôn mới của xã và đang thẩm định nhiệm vụ quy hoạch tại Phòng Quản lý đô thị.

2. Hạ tầng kinh tế - xã hội

a) Giao thông:

Hiện nay, tổng số tuyến đường do xã quản lý là 32 tuyến đường với khoảng 36,2 km, trong đó:

- Đường trục xã, liên xã: Trước đây có 4 tuyến với tổng chiều dài 13,2km.

Sau khi khảo sát tình hình thực tế, đường Đinh Văn Ước (trước đây gọi là đường liên ấp 3 - 4 - 5) và đường ấp 6 dẫn vào khu di tích lịch sử rạch Cầu Già, và là các tuyến đường quan trọng trong việc phát triển kinh tế - xã hội của xã trong thời gian tới, nên xã đề xuất đầu tư 2 tuyến đường này vào danh mục đường trục xã, liên xã. Như vậy, đường trục xã, liên xã của xã Hưng Long sẽ tăng lên 6 tuyến (18,1 km) với 2 tuyến đường mới là:

- Đường trục ấp, liên ấp: Có 17 tuyến với tổng chiều dài là 18,83 km. Các tuyến liên ấp đều trong tình trạng cần nâng cấp sửa chữa đảm bảo cho nhu cầu đi lại cũng như sản xuất của nhân dân.

- Đường ngõ xóm: tổng chiều dài là 6,15 km. Trong đó, chỉ có 0,7 km vẫn đảm bảo nhu cầu đi lại của người dân, còn lại chưa được cứng hóa, một số đoạn còn lầy lội vào mùa mưa.

- Đường nội đồng: Tổng chiều dài là 10,77 km, chưa đảm bảo cho xe cơ giới đi lại thuận tiện.

b) Thủy lợi:

Trên địa bàn xã có nhiều kênh, rạch với tổng chiều dài khoảng 25,4 km. Hiện hệ thống thoát nước các tuyến đường chưa đầu nối vào hệ thống thoát nước chung của xã mà phần lớn thoát nước ra các kênh, rạch. Do đó, việc nạo vét các kênh T1, T2, T3, T4, T5, T7, T8, T9 trên địa bàn xã rất cần thiết. Toàn xã có 13 cống rãi đều trên các ấp, một số đã xuống cấp trầm trọng cần xây mới lại (cống T1, T2, ấp 6).

c) Điện:

- Số biến áp trên địa bàn xã Hưng Long có 87 trạm với công suất là 24.225 KVA.

- Đường dây điện trung thế dài 42 km;

- Đường dây hạ thế dài 85 km;

- Tỷ lệ dân sử dụng điện kế 100%, tỷ lệ dân sử dụng điện an toàn 100%.

d) Trường học:

- Trường mầm non:

Trong xã có 1 trường mẫu giáo công lập (chưa đạt chuẩn), 3 trường mầm non tư thục.

+ Trường mẫu giáo Quỳnh Anh: tổng diện tích 1.891,9m² (trong đó: diện tích sân 1.501,9m², diện tích cây xanh: 48m²), gồm 1 điểm chính và 7 điểm phụ nằm rải rác tại 6 ấp; tổng số học sinh: 183; số phòng học: 8 phòng (bán kiên cố); nhân sự: Ban giám hiệu: 2, giáo viên: 9 (đạt chuẩn), công nhân viên: 4.

+ Trường mầm non tư thục Hương Dưa: tổng diện tích 962m²; tổng số học sinh: 120; số phòng học: 6 phòng (kiên cố); nhân sự: Ban giám hiệu: 1, giáo viên: 6.

+ Trường mầm non tư thục Mai Phương: tổng diện tích 130 m² (trong đó diện tích sân chơi: 100m²); tổng số học sinh: 40; số phòng học: 2 phòng; nhân sự: 4 giáo viên.

+ Trường mầm non tư thục Trúc Lam: tổng diện tích 666m² (trong đó diện tích sân chơi: 218,4m²); tổng số học sinh: 80; số phòng học: 4; nhân sự: 1 quản lý lớp, 4 giáo viên, 1 bảo mẫu, 1 cấp dưỡng.

- Trường tiểu học: Có một trường tiểu học Hưng Long (chưa đạt chuẩn) với diện tích 6.214,9m² (trong đó diện tích sân chơi: 1.986m²) gồm 1 điểm chính (tại ấp 3) và 3 điểm phụ (tại ấp 1, ấp 4 và ấp 5). Tổng số học sinh: 1.608; trung bình mỗi năm tăng 3 lớp; số phòng: 43 phòng học (trong đó 27 phòng đã được kiên cố hóa) và 6 phòng chức năng;

- Trường trung học cơ sở: Có 1 trường trung học cơ sở Hưng Long với diện tích

là 5.960m² (trong đó diện tích sân chơi: 3.670m²). Tổng số học sinh: 860, gồm có: (khối 6: 233, khối 7: 248, khối 8: 212, khối 9: 167); số phòng: 21 phòng học và 3 phòng chức năng (đã được kiên cố hóa);

đ) Cơ sở vật chất, văn hóa:

- Trung tâm văn hóa xã ấp:

+ Hiện xã chưa có nhà văn hóa, đang sử dụng chung nhà văn hóa liên xã do huyện quản lý. Có 4/6 văn phòng ấp kết hợp tụ điểm sinh hoạt văn hóa (ấp 1, ấp 2, ấp 3, ấp 6) nhưng chưa đạt chuẩn và đang trong tình trạng xuống cấp cần nâng cấp, sửa chữa. Riêng ấp 4 và ấp 5 chưa có văn phòng ấp kết hợp tụ điểm sinh hoạt văn hóa, cần xây mới để phục vụ cho sinh hoạt tổ và Chi bộ ấp.

- Khu thể thao của xã, ấp:

+ Xã chưa có khu thể dục thể thao. Hiện xã có câu lạc bộ văn hóa thể dục thể thao liên xã (do Trung tâm Văn hóa - Thể dục - Thể thao huyện quản lý). Trong thời gian qua để tạo điều kiện cho nhu cầu giải trí và tổ chức các hoạt động cho người dân, xã phải tận dụng một số bãi đất trống.

+ Xã có 1 trung tâm học tập cộng đồng với 1 phòng vi tính phục vụ việc dạy tin học cho học sinh và cán bộ viên chức trên địa bàn xã, tuy nhiên đang trong tình trạng xuống cấp.

e) Chợ:

Trên địa bàn xã có 2 chợ: chợ Hưng Long ở đường Đoàn Nguyễn Tuân (diện tích hơn 1.200 m²) - chợ loại 3 và chợ tư nhân Thuận Đạt tại ấp 6 đường An Phú Tây (diện tích 2.000 m²). 2 chợ này phù hợp với quy hoạch phát triển chợ của huyện Bình Chánh tại Tờ trình số 255/TTr-UBND của Ủy ban nhân dân huyện Bình Chánh ngày 23 tháng 4 năm 2013 trên cơ sở Quyết định số 17/2009/QĐ-UBND ngày 12 tháng 02 năm 2009 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh. Bên cạnh đó, trên địa bàn xã còn có nhiều điểm buôn bán nhỏ lẻ (thường hoạt động vào buổi sáng) dọc các tuyến đường chính với sản phẩm chủ yếu phục vụ sinh hoạt hằng ngày của người dân.

g) Bưu điện:

- Xã có 1 bưu điện nhưng đã ngưng hoạt động. Cần đầu tư nâng cấp đưa vào hoạt động bưu điện của xã gắn với thư viện nhằm đáp ứng nhu cầu văn hóa cho người dân;

- Về hệ thống thông tin liên lạc: toàn xã có 1.705 điện thoại cố định;

- Tổng số máy vi tính là 986 máy, số máy vi tính kết nối Internet là 319 máy. Toàn xã có 12 điểm truy cập Internet, đang hoạt động ở ấp 3, 4, 5, 6.

h) Nhà ở dân cư nông thôn

Tổng số nhà ở trên toàn xã là 4.388 căn, trong đó có 97 căn nhà tạm bợ (chiếm 2,21 %), tỷ lệ nhà đạt chuẩn chưa đến 60%.

3. Thực trạng kinh tế và tổ chức sản xuất

a) Kinh tế:

- Cơ cấu kinh tế, giá trị đóng góp của các ngành (%): Nông nghiệp, Công nghiệp
- Tiểu thủ công nghiệp, Thương mại - Dịch vụ: 24,29%, 28,72%, 46,97%.

- Cơ cấu ngành nông nghiệp:

+ Trồng trọt: diện tích gieo trồng lúa hè thu 330 ha, năng suất vụ hè thu 4 tấn/ha với sản lượng 1.280 tấn; diện tích gieo trồng rau là 142 ha, năng suất 26,46 tấn/ha.

+ Chăn nuôi: Tổng đàn heo 598 con, đàn bò khoảng 118 con, đàn trâu 13 con, trâu 26 con; cá kiếng,...;

+ Thủy sản: Diện tích thả cá ước đạt 18,1 ha.

Thu nhập bình quân/người: 13,5 triệu đồng/người/năm (năm 2012).

Tỷ lệ hộ nghèo bình quân của xã là 3,16%/năm. Năm 2012, toàn xã còn 188 hộ nghèo (theo tiêu chí dưới 12 triệu đồng/người/năm).

b) Lao động:

- Số lao động trong độ tuổi: 14.822, trong đó số lao động có việc làm là 12.332 người, chiếm 83,2% (trừ số lao động trong độ tuổi đang đi học tập trung tại các trường Trung học phổ thông, Trung cấp, Cao đẳng, Đại học theo quy định), số lao động qua đào tạo là 3.024 người, chiếm 20,4%.

c) Hình thức tổ chức sản xuất:

- Trên địa bàn có 67 công ty, doanh nghiệp tư nhân và cơ sở tiểu thủ công nghiệp, thu hút gần 4.350 lao động tại chỗ và các địa phương lân cận. Có 376 hộ kinh doanh cá thể thương mại - dịch vụ, đa số buôn bán nhỏ lẻ.

- Kinh tế tập thể:

+ Hiện xã đã thành lập 1 Câu lạc bộ hoa cây cảnh có 11 hội viên, 1 Câu lạc bộ cá kiếng có 22 hội viên, 2 tổ hợp tác rau an toàn tại ấp 3 có 19 tổ viên, ấp 4 có 47 tổ viên;

+ Thành lập Hợp tác xã nông nghiệp Hưng Điền có 16 xã viên với vốn điều lệ 410.000.000 đồng.

+ Hiện đang xây dựng thành lập các Tổ hợp tác về chăn nuôi ấp 1, ấp 6 có 16 tổ viên.

4. Văn hóa, xã hội và môi trường

a) Văn hóa - giáo dục:

- Số hộ đạt tiêu chuẩn gia đình văn hóa năm 2012 là 3.235/3.343 (chiếm 96,8%). Có 6/6 ấp văn hóa. Xã được công nhận xã văn hóa năm 2007, 2008, 2009 và tiếp tục được giữ vững đến nay.

- Phổ cập giáo dục trung học cơ sở: tỷ lệ hoàn thành bậc tiểu học vào lớp 6 đạt 100% (235/235), tỷ lệ học sinh 15-18 tuổi tốt nghiệp THCS đạt 91,02% (730/802).

- Tỷ lệ học sinh tốt nghiệp trung học cơ sở được tiếp tục học trung học (phổ thông, bổ túc, học nghề) là 98,2%. Đạt.

- Tỷ lệ lao động qua đào tạo: 49,8% (7.381/14.822). Chưa đạt.

- Tỷ lệ phổ cập mầm non cho trẻ 5 tuổi: 99% (298/301 ra lớp)

- Xóa mù chữ theo quy định của ngành giáo dục đào tạo.

b) Y tế:

- Trạm y tế với diện tích 572 m², điều kiện trang thiết bị y tế hiện nay còn thiếu và chưa đạt chuẩn.

- Tỷ lệ người dân tham gia các hình thức bảo hiểm y tế (năm 2012): 74,48% (15.072/20.236).

c) Môi trường:

- Toàn xã có 3 trạm cấp nước thuộc Trung tâm Nước sạch và Vệ sinh môi trường nông thôn thành phố.

- Tỷ lệ hộ được sử dụng nước sạch hợp vệ sinh của doanh nghiệp hoặc cơ sở sản xuất hiện có tại xã theo loại vệ sinh theo quy chuẩn quốc gia: 93%.

- Các cơ sở sản xuất kinh doanh đạt tiêu chuẩn môi trường: 65/67 công ty (chiếm 97%).

- Trên địa bàn xã không có quy hoạch nghĩa trang. Hiện trạng chôn cất của người dân trong xã: chôn cất trên đất của gia đình, hình thành nên các nghĩa trang gia tộc phân bố đều tại các ấp.

- Xử lý chất thải: hiện xã có 2 tổ thu gom rác phục vụ cho 884/917 hộ, chiếm tỷ lệ 96,4%.

+ Tỷ lệ hộ dân có hố xí hợp vệ sinh: 98%.

5. Hệ thống chính trị và an ninh trật tự xã hội

a) Hệ thống tổ chức chính trị:

- Hiện trạng đội ngũ cán bộ xã và so với chuẩn: Số lượng cán bộ, công chức, cán bộ không chuyên trách của Ủy ban nhân dân xã Hưng Long được giao năm 2013 là 44 người: trong đó có 24 cán bộ và công chức, 20 cán bộ không chuyên trách. Số lượng hiện có tính đến tháng 5 năm 2013 là 11 cán bộ, 11 công chức, 18 cán bộ không chuyên trách.

- Số lượng cán bộ, công chức đủ phẩm chất, năng lực đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ, đạt tiêu chuẩn quy định.

b) An ninh trật tự xã hội:

Xã có đủ các tổ chức đoàn thể, gồm:

- Ủy ban Mặt trận Tổ quốc: có 39 thành viên;

- Đoàn thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh: có 9 chi đoàn với 11 ủy viên Ban Chấp hành Đoàn, 158 đoàn viên và 427 hội viên;

- Hội liên hiệp Phụ nữ: có 10 Ủy viên Ban chấp hành Hội, tổng số hội viên của hội là 3.248 hội viên chia làm 106 tổ;

- Hội Nông dân: gồm 40 tổ với 1.430 hội viên và 11 ủy viên Ban chấp hành Hội;

- Hội Cựu chiến binh: có 130 hội viên, gồm 24 phân hội và 09 người trong Ban chấp hành Hội;

- Hội Người cao tuổi: có 1.805 hội viên (trong đó có 19 người trong Ban chấp hành Hội), chia làm 45 tổ.

6. Tình hình trật tự xã hội an ninh trên địa bàn

- Tình hình An ninh - Chính trị được củng cố và giữ vững.

- Công an xã xây dựng và thực hiện nhiều kế hoạch trấn áp tội phạm.

- Phong trào toàn dân bảo vệ an ninh tổ quốc luôn được củng cố và phát huy sức mạnh toàn dân thông qua duy trì sinh hoạt đều của các ấp. Ngoài ra còn thành lập 106 tổ phong trào bảo vệ an ninh tổ quốc.

- Tổ chức kiện toàn củng cố lực lượng an ninh cơ sở vững mạnh, xây dựng lực lượng dân phòng các ấp, có 230 nhóm hộ tự quản, an ninh trật tự hoạt động có hiệu quả.

- Trong năm 2012 phạm pháp hình sự xảy ra 3 vụ, khám phá 2 vụ, bắt 3 đối tượng, tỷ lệ đạt 66,67%. So với cùng kỳ năm 2011 giảm 5 vụ, tỷ lệ giảm 62,50%.

Phần II
NỘI DUNG XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI
XÃ HƯNG LONG - HUYỆN BÌNH CHÁNH ĐẾN NĂM 2015

I. MỤC TIÊU ĐẾN NĂM 2015

1. Mục tiêu chung

- Xây dựng xã Hưng Long trở thành xã nông thôn mới thời kỳ công nghiệp hóa - hiện đại hóa thể hiện các đặc trưng: có kinh tế phát triển, đời sống vật chất và tinh thần của cư dân nông thôn được nâng cao; có kết cấu hạ tầng kinh tế, xã hội hiện đại, có các hình thức sản xuất phù hợp, gắn phát triển nông nghiệp với phát triển công nghiệp, dịch vụ, đô thị theo quy hoạch, xã hội nông thôn ổn định, giàu bản sắc dân tộc, dân trí được nâng cao, môi trường sinh thái được bảo vệ... nâng cao sức mạnh của hệ thống chính trị ở xã, áp dưới sự lãnh đạo của Đảng.

2. Mục tiêu cụ thể

* Hoàn thành 19/19 tiêu chí về nông thôn mới theo bộ tiêu chí quốc gia về nông thôn mới theo từng giai đoạn cụ thể:

- Năm 2012: đã thực hiện 6 /19 tiêu chí (4, 7, 13, 16, 18, 19).
- Năm 2013: phần đầu đạt 10 /19 tiêu chí (tăng thêm 4 tiêu chí: 1, 8, 11, 17).
- Năm 2014: phần đầu đạt 15/19 tiêu chí (tăng thêm 5 tiêu chí: 3, 5, 9, 14, 15).
- Năm 2015: phần đầu đạt 19/19 tiêu chí (tăng thêm 4 tiêu chí: 2, 6, 10, 12).

* Nội dung thực hiện cụ thể:

- Hoàn thành quy hoạch sử dụng đất, quy hoạch hạ tầng kinh tế xã hội, khu dân cư (giúp cho người dân ổn định sản xuất, đảm bảo cho người dân có nơi đổ rác thải, nơi chôn cất đúng quy định, chỉnh trang khu dân cư, cải thiện bộ mặt nông thôn).

- Thu nhập bình quân đầu người/năm đến năm 2015 tăng từ 1,5-1,8 lần so với mức khởi điểm xuất phát khi xây dựng đề án.

- Cơ cấu kinh tế theo hướng: Nông nghiệp - tiểu thủ công nghiệp - thương mại, dịch vụ. Tỷ lệ lao động có việc làm: phần đầu tỷ lệ lao động trong độ tuổi có việc làm (trừ số lao động trong độ tuổi đang đi học tập trung tại các trường Trung học phổ thông, Trng cấp, Cao đẳng, Đại học theo quy định) đạt từ 90% trở lên.

- Lao động qua đào tạo nghề trên tổng số lao động đang làm việc đạt trên 70%, trong đó có 40% là lao động nữ;

- Tỷ lệ hộ nghèo theo chuẩn thành phố (dưới 12 triệu đồng/người/năm): giảm bình quân 3% - 4%/năm, phấn đấu đến năm 2015 cơ bản không còn hộ nghèo (tỷ lệ hộ nghèo dưới 0,5%).

- Tốc độ tăng trưởng kinh tế của xã trên 9,5% năm trong giai đoạn 2011 - 2015.

- Chuyển dịch sản xuất nông nghiệp theo hướng nông nghiệp đô thị hiệu quả cao, an toàn vệ sinh dịch bệnh. Trong đó quy hoạch sản xuất rau an toàn; hoa cây kiểng; cỏ; bò sữa...;

- Xây dựng mạng lưới giao thông nông thôn với chất lượng bảo đảm thuận tiện cho việc đi lại và vận chuyển hàng hóa, tiêu thụ nông sản. 100% các tuyến đường trục xã, liên xã được nhựa hóa, 100% trục nối giữa các ấp, tổ được cứng hóa, không lầy lội vào mùa mưa;

- Kiên cố hóa trường lớp, hoàn thiện các điều kiện về cơ sở vật chất trong hệ thống trường học, tiến tới hiện đại hóa các phương tiện dạy học.

- Duy trì và phát triển đời sống văn hóa ở nông thôn với 6/6 ấp đạt tiêu chuẩn văn hóa, tỷ lệ gia đình văn hóa đạt trên 95%.

- Tỷ lệ hộ sử dụng nước sinh hoạt hợp vệ sinh đạt 100%; cơ sở sản xuất, kinh doanh đạt tiêu chuẩn môi trường;

- Hoạt động của Đảng bộ, chính quyền và tổ chức đoàn thể chính trị đạt tiêu chuẩn trong sạch vững mạnh và từ tiên tiến trở lên. An ninh trật tự xã hội luôn được giữ vững.

II. NỘI DUNG VÀ NHIỆM VỤ CỤ THỂ

1. Quy hoạch

a) Mục tiêu: Đạt tiêu chí số 01 của Bộ tiêu chí quốc gia nông thôn mới;

b) Nội dung thực hiện:

Thực hiện theo Thông tư số 13/2011/TTLT-BXD-BNNPTNT-BTNMT ngày 28 tháng 10 năm 2011 giữa Bộ Xây dựng, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và Bộ Tài nguyên và Môi trường về quy định việc lập, thẩm định, phê duyệt quy định xây dựng xã nông thôn mới.

2. Hạ tầng kinh tế - xã hội nông thôn

a) Giao thông:

- Mục tiêu: Đạt yêu cầu tiêu chí số 2 của Bộ tiêu chí quốc gia nông thôn mới;

- Nội dung thực hiện:

+ Cải tạo nâng cấp đường trục xã, liên xã lên nhựa hóa: tổng số 3 tuyến đường với chiều dài 12,564 km (bao gồm cả phần đường thuộc xã Quy Đức 1,2 km);

+ Cải tạo nâng cấp đường trục ấp, liên ấp lên nhựa hóa, cứng hóa: tổng số 17 tuyến đường với chiều dài 18,83 km;

+ Cải tạo nâng cấp đường ngõ xóm (bê tông xi măng): 10 tuyến đường với tổng chiều dài 5,45 km;

+ Cải tạo nâng cấp đường giao thông nội đồng (cứng hóa) với tổng chiều dài hơn 10,77 km.

b) Thủy lợi:

- Mục tiêu: Đạt yêu cầu tiêu chí số 3 trong Bộ tiêu chí quốc gia nông thôn mới;

- Nội dung thực hiện:

+ Nạo vét các tuyến kênh T7 chống sạt lở một bên đường;

+ Làm mới các cống quay T1, T2, ấp 6.

c) Điện:

- Mục tiêu: Đạt yêu cầu tiêu chí số 4 trong Bộ tiêu chí quốc gia nông thôn mới;

- Nội dung thực hiện:

+ Bảo quản, cải tạo, nâng cấp hệ thống điện của xã để đảm bảo yêu cầu thông số kỹ thuật.

+ Nâng cấp và lắp đặt mới hệ thống điện chiếu sáng dọc 8 tuyến đường xuyên ấp với 500 bóng đèn.

+ Lắp đặt trụ điện phục vụ các hộ xa lưới điện quốc gia.

+ Gắn đồng hồ điện riêng sử dụng lưới điện quốc gia cho những hộ chưa có;

+ Điều tra, khảo sát và gắn mới điện kế sản xuất cho những hộ sản xuất nông nghiệp, công nghiệp và tiểu thủ công nghiệp.

d) Trường học:

- Mục tiêu: Đạt yêu cầu tiêu chí số 5 trong Bộ tiêu chí quốc gia nông thôn mới;

- Nội dung thực hiện:

+ Xây mới Trường mầm non Quỳnh Anh đạt chuẩn (diện tích 10.000m², 16 phòng học, các phòng chức năng và khu phụ).

+ Qua khảo sát, mở rộng, nâng cấp trường tiểu học Hưng Long và các điểm phụ cũng không thể đạt chuẩn. Do đó, sẽ xây mới Trường tiểu học đạt chuẩn với diện tích 10.000 m² gồm 30 phòng học, các phòng chức năng và khu phụ).

đ) Cơ sở vật chất văn hóa:

- Mục tiêu: Đạt yêu cầu tiêu chí số 6 trong Bộ tiêu chí quốc gia nông thôn mới;

- Nội dung thực hiện:

+ Xây mới trung tâm văn hóa thể thao xã (dự kiến xây tại Sân bóng liên xã);

+ Nâng cấp, sửa chữa, chỉnh trang 4 văn phòng ấp kết hợp tụ điểm sinh hoạt văn hóa;

+ Xây mới 02 văn phòng ấp kết hợp tụ điểm sinh hoạt văn hóa;

+ Xây mới trụ sở Ủy ban nhân dân xã;

+ Sửa chữa 5 trạm và xây mới 1 trạm phát thanh.

e) Chợ nông thôn:

- Mục tiêu: Đạt yêu cầu tiêu chí số 7 trong Bộ tiêu chí quốc gia nông thôn mới;

- Nội dung thực hiện:

Nâng cấp, sửa chữa, duy trì đạt chuẩn cho chợ Hưng Long, chợ Thuận Đạt.

g) Bưu điện:

- Mục tiêu: Đạt yêu cầu tiêu chí số 8 trong Bộ tiêu chí quốc gia nông thôn mới;

- Nội dung thực hiện:

Nâng cấp, sửa chữa đưa vào hoạt động bưu điện văn hóa xã.

h) Nhà ở dân cư nông thôn:

- Mục tiêu: Đạt yêu cầu tiêu chí số 9 trong Bộ tiêu chí quốc gia nông thôn mới;

- Nội dung thực hiện:

+ Vận động, sửa chữa 97 căn nhà tạm, vận động nhân dân nâng cấp, chỉnh trang nhà theo tiêu chuẩn của Bộ xây dựng để phù hợp với quy hoạch phát triển, đảm bảo vệ mỹ quan khu dân cư.

+ Vận động hỗ trợ xây dựng nhà tình thương cho các hộ gặp khó khăn đang phải sinh sống trong các căn nhà tạm.

3. Phát triển kinh tế và các hình thức tổ chức sản xuất

a) Chuyển dịch cơ cấu kinh tế nâng cao thu nhập:

- Mục tiêu: Đạt yêu cầu tiêu chí số 10 của Bộ tiêu chí quốc gia nông thôn mới;

- Nội dung thực hiện:

+ Khuyến khích phát triển nông nghiệp theo hướng đô thị để giải quyết việc làm, chuyển dịch cơ cấu lao động nông thôn nâng cao thu nhập và cải thiện đời sống nông dân.

+ Tìm kiếm và tạo điều kiện phát triển các ngành nghề phù hợp, đơn giản, nguồn vốn đầu tư ban đầu tương đối thấp nhưng mang lại hiệu quả kinh tế khả quan để tạo việc làm, cải thiện tăng thu nhập cho người dân, đặc biệt là lao động nữ, người lớn tuổi.

+ Tuyên truyền, phổ biến chính sách chuyển đổi cơ cấu kinh tế nông nghiệp theo hướng đô thị của thành phố Hồ Chí Minh, căn cứ theo Quyết định số 13/QĐ-UBND ngày 26 tháng 3 năm 2011 của Ủy ban nhân dân thành phố.

+ Định hướng phát triển các mô hình sản xuất nông nghiệp.

b) Giảm nghèo và an sinh xã hội:

- Mục tiêu: Đạt yêu cầu tiêu chí số 11 của Bộ tiêu chí quốc gia và phù hợp với đặc điểm riêng của thành phố.

- Nội dung thực hiện:

+ Tiếp tục thực hiện các chương trình tín dụng ưu đãi thông qua Ngân hàng chính sách xã hội; hỗ trợ người lao động mất việc làm trong doanh nghiệp; khám chữa bệnh cho trẻ em dưới 6 tuổi và người nghèo, chính sách cho người có công.

+ Chỉ tiêu phấn đấu giảm nghèo đến cuối năm 2013: tỷ lệ hộ nghèo còn dưới 1%, cuối năm 2014: cơ bản không còn hộ nghèo (<0,5%), cuối năm 2015: duy trì cơ bản không còn hộ nghèo (<0,5%).

c) Tỷ lệ lao động có việc làm:

- Mục tiêu: Đạt yêu cầu tiêu chí 12 của Bộ tiêu chí quốc gia nông thôn mới;

- Nội dung thực hiện:

+ Ban quản lý liên kết chặt chẽ với trường dạy nghề trên địa bàn huyện, các trường lân cận và các doanh nghiệp nhằm có định hướng đào tạo công nhân kỹ thuật để giải quyết lao động có việc làm.

+ Đào tạo nghề cấp chứng chỉ, tập huấn kỹ thuật sản xuất cho nông dân, kỹ năng khuyến nông cho cán bộ khuyến nông cơ sở, nông dân giỏi.

+ Đẩy mạnh hợp tác, liên kết giữa các cơ quan quản lý nhà nước, các doanh nghiệp, trường đại học, Viện nghiên cứu... với nông dân, hộ sản xuất trong công tác chuyển giao tiến bộ khoa học kỹ thuật, giống mới, công nghệ sau thu hoạch.

+ Đào tạo và nâng cao trình độ quản lý, nghiệp vụ kế toán cho cán bộ quản lý, cán bộ kỹ thuật nông nghiệp của xã, hợp tác xã nông nghiệp, tổ hợp tác sản xuất, doanh nghiệp.

d) Hình thức tổ chức sản xuất:

- Mục tiêu: Đạt yêu cầu tiêu chí số 13 của Bộ tiêu chí quốc gia nông thôn mới;

- Nội dung thực hiện:

+ Tuyên truyền, vận động nhằm giúp người nông dân nắm bắt được chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước về kinh tế tập thể.

+ Bồi dưỡng, đào tạo tổ trưởng, tổ phó tổ hợp tác nhằm nâng cao về năng lực quản lý.

+ Hỗ trợ cơ sở vật chất ban đầu như trang thiết bị phục vụ thông tin liên lạc, trao đổi, cập nhật thông tin (điện thoại, máy fax, máy vi tính,...).

+ Hỗ trợ để mở rộng và nâng cao hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh, dịch vụ của các tổ chức kinh tế tổ hợp tác.

4. Giáo dục, y tế, văn hóa, môi trường

a) Giáo dục:

- Mục tiêu: Đạt yêu cầu tiêu chí số 14 của Bộ tiêu chí quốc gia nông thôn mới;

- Nội dung thực hiện:

+ Hỗ trợ, vận động đưa trẻ đến trường đúng độ tuổi, vận động các nguồn tài trợ cho các suất học bổng.

+ Đào tạo nghề trong sản xuất nông nghiệp và chuyển dịch lao động từ nông nghiệp sang ngành nghề khác (cơ khí, hàn, điện tử,...). Tỷ lệ lao động qua đào tạo: 70% (trong đó có 40% nữ).

b) Y tế:

- Mục tiêu: Đạt yêu cầu tiêu chí số 15 của Bộ tiêu chí quốc gia nông thôn mới;

- Nội dung thực hiện:

+ Xây mới trạm y tế 500m².

+ Thực hiện các chương trình chăm sóc sức khỏe cho nhân dân; hỗ trợ bảo hiểm y tế, chương trình truyền thông, giáo dục sức khỏe, tâm thần, dịch bệnh, an toàn vệ sinh thực phẩm,... đảm bảo tỷ lệ người dân tham gia các hình thức bảo hiểm y tế đạt 70%.

c) Xây dựng đời sống văn hóa phong phú lành mạnh:

- Mục tiêu: Đạt yêu cầu tiêu chí số 16 của Bộ tiêu chí quốc gia nông thôn mới;

- Nội dung thực hiện:

+ Đẩy mạnh, tăng cường công tác tuyên truyền vận động, nâng cao nhận thức của cán bộ hội, đoàn thể của xã và nhân dân về ý nghĩa của phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa” góp phần chuyển biến tích cực đến đời sống kinh tế, xã hội trên địa bàn xã;

+ Tiếp tục giữ vững và vượt chỉ tiêu hàng năm các tiêu chí phấn đấu xây dựng ấp văn hóa và gia đình văn hóa, gương người tốt, việc tốt;

+ Xây dựng các chỉ tiêu về hoạt động văn hóa, thể thao của xã; hàng năm có 80% số cơ quan, đơn vị tại địa bàn đạt tiêu chuẩn công sở văn minh, sạch, đẹp, an toàn, đơn vị văn hóa; 85% số dân thực hiện nếp sống văn minh trong tiệc cưới, việc tang, lễ hội; 20% số dân tham gia các hoạt động văn nghệ; 95% số dân tham gia hoạt động thể dục thể thao thường xuyên;

+ Tổ chức các hoạt động văn hóa, thể dục thể thao;

+ Đầu tư trang thiết bị;

+ Tổ chức và duy trì các lớp tuyên truyền pháp luật, khoa học kỹ thuật cho nông dân;

d) Bảo vệ và phát triển môi trường nông thôn:

- Mục tiêu: Đạt yêu cầu tiêu chí số 17 của Bộ tiêu chí quốc gia nông thôn mới;

- Nội dung thực hiện:

+ củng cố 2 tổ và thành lập thêm 1 tổ thu gom và xử lý rác. Thu gom rác khu dân cư tập trung, hộ gia đình sống phân tán tự xử lý rác hợp môi trường;

+ Trồng cây xanh các tuyến đường, trường học, cơ quan, y tế... vận động dân tham gia các hội thi Môi trường xanh của thành phố (Môi trường xanh, Chủ nhật xanh...);

+ Tiến hành lắp đặt thêm thùng rác nhựa tại các tuyến đường để nhân dân có nơi bỏ rác. Tiếp tục tuyên truyền nhắc nhở, vận động dỡ bỏ cầu xí trên sông, rạch, đồng thời hướng dẫn người dân vay vốn để xây dựng nhà vệ sinh tự hoại;

+ Nâng cấp, sửa chữa 1 trạm cấp nước sạch phục vụ nhu cầu sinh hoạt tại ấp 3.

5. Hệ thống chính trị và an ninh trật tự xã hội

a) Củng cố, nâng cao chất lượng và vai trò của các tổ chức trong hệ thống chính trị cơ sở:

- Mục tiêu: Đạt yêu cầu tiêu chí 18 của Bộ tiêu chí quốc gia nông thôn mới;

- Nội dung thực hiện:

+ Tổ chức đào tạo và bồi dưỡng cán bộ, công chức đạt chuẩn để không ngừng đáp ứng yêu cầu xây dựng nông thôn mới. Cán bộ xã đạt chuẩn phải bảo đảm tiêu chuẩn chung, tiêu chuẩn cụ thể đối với cán bộ, công chức cấp xã và phải hoàn thành chức trách, nhiệm vụ được giao quy định tại Quyết định số 04/2004/QĐ-BNV ngày 16 tháng 01 năm 2004 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ về ban hành tiêu chuẩn cụ thể đối với cán bộ, công chức xã, phường, thị trấn và Thông tư số 06/2012/TT-BNV ngày 30 tháng 10 năm 2012 của Bộ Nội vụ hướng dẫn về chức trách, tiêu chuẩn cụ thể, nhiệm vụ và tuyển dụng công chức xã, phường, thị trấn.

+ Chỉ tiêu phân đầu:

- An ninh trật tự xã hội được giữ vững: Đạt.
- Tỷ lệ cán bộ xã đạt chuẩn: Đạt.
- Có đủ các tổ chức trong hệ thống chính trị cơ sở theo quy định: Đạt.
- Đảng bộ, chính quyền xã đạt tiêu chuẩn trong sạch vững mạnh: Đạt.
- Các tổ chức đoàn thể chính trị xã đạt danh hiệu tiên tiến trở lên: Đạt.

b) An ninh chính trị và trật tự xã hội nông thôn:

- Mục tiêu: Duy trì đạt yêu cầu tiêu chí số 19 của Bộ tiêu chí quốc gia nông thôn mới;

- Nội dung thực hiện:

+ An ninh xã hội tiếp tục được giữ vững, ổn định. Thực hiện có hiệu quả các chương trình hành động của Huyện ủy về tăng cường lãnh đạo đấu tranh phòng chống tội phạm, thường xuyên làm tốt công tác tuyên truyền giáo dục, nâng cao tinh thần cảnh giác cách mạng “âm mưu diễn biến hòa bình” của các thế lực thù địch, đảm bảo giữ vững ổn định chính trị và trật tự an toàn xã hội, thường xuyên phát động phong trào toàn dân bảo vệ an ninh tổ quốc;

+ Nâng cao hiệu lực quản lý nhà nước ở địa phương và vai trò giám sát của Hội

đồng nhân dân, thực hiện tốt quy chế dân chủ cơ sở, giải quyết tốt khiếu nại, tố cáo, không xảy ra tình trạng khiếu kiện đông người hoặc xảy ra điểm nóng.

III. DỰ KIẾN KINH PHÍ VÀ NGUỒN VỐN ĐẦU TƯ HỖ TRỢ THỰC HIỆN ĐỀ ÁN

1. Tổng kinh phí đầu tư, hỗ trợ để thực hiện Đề án nông thôn mới xã Hưng Long, huyện Bình Chánh, dự kiến: 837.783 triệu đồng, gồm:

a) Vốn đầu tư cho xây dựng cơ bản: 677.683 triệu đồng (chiếm 80,9%).

b) Vốn sự nghiệp hỗ trợ cho các hoạt động trên địa bàn xã: 160.100 triệu đồng (chiếm 19,1%).

2. Nguồn vốn:

a) Vốn từ Ngân sách nhà nước: 582.209 triệu đồng, chiếm 69,49%; trong đó:

+ Vốn nông thôn mới: 198.009 triệu đồng, chiếm 23,63%.

+ Vốn lồng ghép: 384.200 triệu đồng, chiếm 45,96%.

* Vốn tập trung: 375.000 triệu đồng;

* Vốn phân cấp huyện: 0 triệu đồng;

* Vốn sự nghiệp: 9.200 triệu đồng.

b) Vốn cộng đồng: 130.474 triệu đồng, chiếm 15,57%; trong đó:

+ Vốn dân: 105.974 triệu đồng, chiếm 12,65%.

+ Vốn doanh nghiệp: 24.500 triệu đồng, chiếm 2,92%.

c) Vốn tín dụng: 125.100 triệu đồng, chiếm 14,93%.

* Vốn đầu tư các nguồn được xác định cụ thể theo chương trình, dự án được cấp thẩm quyền phê duyệt.

Phần III TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Thời gian thực hiện đề án: từ nay đến hết năm 2015.

2. Quy mô và khối lượng thực hiện: theo các biểu đính kèm.

3. Phương châm và nguyên tắc đầu tư, hỗ trợ

- Phát huy nội lực của địa phương là chính, đảm bảo sử dụng có hiệu quả nguồn

lực từ sự hỗ trợ của Trung ương và Thành phố, đáp ứng nhu cầu đầu tư, giúp đỡ của các doanh nghiệp.

- Phát huy dân chủ, công khai trong cộng đồng dân cư, khẩn trương, đồng bộ và chặt chẽ trong thủ tục hành chính và đầu tư.

a) Cơ chế huy động và quản lý các nguồn vốn:

- Thực hiện theo Quyết định số 800/QĐ-TTg ngày 04 tháng 6 năm 2010 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Chương trình mục tiêu Quốc gia về xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2010 - 2020;

- Thực hiện theo Quyết định số 695/QĐ-TTg ngày 08 tháng 6 năm 2012 của Thủ tướng Chính phủ sửa đổi nguyên tắc cơ chế hỗ trợ vốn thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia về xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2010 - 2020;

- Thực hiện theo Thông tư liên tịch số 26/2011/TTLT-BNNPTNT-BKHĐT-BTC ngày 13 tháng 4 năm 2011 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn - Bộ Kế hoạch và Đầu tư - Bộ Tài chính về hướng dẫn thực hiện Quyết định số 800/QĐ-TTg ngày 04 tháng 6 năm 2010 của Thủ tướng Chính phủ.

- Thực hiện theo Thông tư số 28/2012/TT-BTC ngày 24 tháng 02 năm 2012 của Bộ Tài chính quy định về quản lý vốn đầu tư thuộc nguồn vốn ngân sách xã, phường, thị trấn.

- Thực hiện theo Quyết định số 15/2011/QĐ-UBND ngày 18 tháng 3 năm 2011 của Ủy ban nhân dân thành phố về phê duyệt ban hành Chương trình mục tiêu quốc gia về xây dựng nông thôn mới trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh giai đoạn 2010 - 2020;

b) Quản lý đầu tư và xây dựng:

- Thực hiện theo Quyết định số 800/QĐ-TTg ngày 04 tháng 6 năm 2010 của Thủ tướng Chính phủ, phê duyệt Chương trình mục tiêu Quốc gia về xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2010 - 2020;

- Thực hiện theo Thông tư liên tịch số 26/2011/TTLT-BNNPTNT-BKHĐT-BTC ngày 13 tháng 4 năm 2011 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn - Bộ Kế hoạch và Đầu tư - Bộ Tài chính về hướng dẫn thực hiện Quyết định số 800/QĐ-TTg ngày 04 tháng 6 năm 2010 của Thủ tướng Chính phủ.

- Vận dụng theo Thông tư số 28/2012/TT-BTC ngày 24 tháng 02 năm 2012 của Bộ Tài Chính quy định về quản lý vốn đầu tư thuộc nguồn vốn ngân sách xã, phường, thị trấn.

- Thực hiện theo Quyết định số 15/2011/QĐ-UBND ngày 18 tháng 3 năm 2011

của Ủy ban nhân dân thành phố về việc ban hành Chương trình mục tiêu về xây dựng nông thôn mới trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh giai đoạn 2010 - 2020;

- Vận dụng theo Quyết định số 20/2013/QĐ-UBND ngày 24 tháng 6 năm 2013 của Ủy ban nhân dân thành phố ban hành cơ chế hỗ trợ từ ngân sách nhà nước để thực hiện Chương trình mục tiêu về xây dựng nông thôn mới trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh giai đoạn 2010 - 2020.

4. Phân công thực hiện

a) Ủy ban nhân dân huyện Bình Chánh, Ủy ban nhân dân xã Hưng Long, Ban Chỉ đạo Chương trình xây dựng nông thôn mới huyện Bình Chánh và Ban Quản lý xây dựng nông thôn mới xã Hưng Long:

- Tập trung triển khai các hoạt động tuyên truyền, vận động nhân dân, Đảng viên, cán bộ, công chức quán triệt chủ trương của Trung ương và thành phố về chương trình xây dựng mô hình nông thôn mới tại xã; vận động cơ sở sản xuất kinh doanh, các doanh nghiệp và nhân dân tích cực hưởng ứng tham gia và đóng góp hỗ trợ để thực hiện các tiêu chí quốc gia về nông thôn mới trên địa bàn xã.

- Thực hiện theo đúng nội dung của Đề án được phê duyệt, không được thay đổi nội dung của Đề án khi chưa được chấp thuận của Ban chỉ đạo xây dựng nông thôn mới thành phố và Ủy ban nhân dân thành phố.

- Phân công các phòng ban, đơn vị chức năng của huyện, cán bộ chuyên môn của xã tham gia, hỗ trợ Ban Quản lý xây dựng nông thôn mới xã Hưng Long xây dựng kế hoạch tổng thể thực hiện đề án giai đoạn 2013 - 2015, xây dựng kế hoạch cụ thể từng năm đảm bảo tiến độ và mục tiêu, nhiệm vụ thực hiện các tiêu chí quốc gia về nông thôn mới.

- Thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia về xây dựng nông thôn mới theo đúng quy định hướng dẫn của pháp luật hiện hành.

b) Các Sở, ngành thành viên Ban Chỉ đạo Chương trình xây dựng nông thôn mới thành phố:

- Phân công cán bộ, công chức theo dõi, hướng dẫn, hỗ trợ Ban quản lý xây dựng nông thôn mới trên địa bàn xã Hưng Long, huyện Bình Chánh chuẩn bị và thực hiện, đảm bảo tiến độ thực hiện các tiêu chí của ngành trên địa bàn xã.

- Chịu trách nhiệm về kết quả thực hiện các chương trình mục tiêu của Trung ương và thành phố do Sở, ngành phụ trách trên địa bàn xã.

- Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chủ trì hướng dẫn Ủy ban nhân dân xã

Hung Long và Ban Quản lý xây dựng nông thôn mới xã Hung Long triển khai thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia về xây dựng nông thôn mới theo Đề án được phê duyệt.

- Sở Quy hoạch - Kiến trúc hướng dẫn, hoàn tất thẩm định quy hoạch chung, quy hoạch chuyên ngành, quy hoạch hạ tầng thiết yếu (theo phân công, phân cấp) của huyện Bình Chánh và xã Hung Long; tổ chức giám sát việc công bố, công khai các quy hoạch được phê duyệt.

- Sở Kế hoạch và Đầu tư chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính, các Sở, ngành liên quan, Ủy ban nhân dân huyện Bình Chánh, Ban Quản lý xây dựng nông thôn mới xã Hung Long cân đối, đề xuất và dự thảo văn bản trình Ủy ban nhân dân thành phố giải quyết và bố trí vốn ngân sách tập trung, vốn phân cấp hàng năm (2013 - 2015), đảm bảo tiến độ đầu tư, hoàn thành các tiêu chí về hạ tầng kinh tế - xã hội trên địa bàn xã Hung Long.

- Sở Tài chính chủ trì, phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư, Kho bạc Nhà nước, các Sở, ngành liên quan, Ủy ban nhân dân huyện Bình Chánh và Ban Quản lý xây dựng nông thôn mới Hưng Long, đề xuất và dự thảo văn bản trình Ủy ban nhân dân thành phố bổ sung, giao kế hoạch kinh phí sự nghiệp chi thường xuyên để thực hiện các hoạt động, đảm bảo tiến độ thực hiện các tiêu chí quốc gia về nông thôn mới trên địa bàn xã Hưng Long.

c) Tổ công tác giúp việc Ban Chỉ đạo Chương trình xây dựng nông thôn mới thành phố chịu trách nhiệm kiểm tra, giám sát tình hình thực hiện các chương trình, dự án, các tiêu chí quốc gia về nông thôn mới trên địa bàn xã Hưng Long, huyện Bình Chánh; định kỳ hàng tháng báo cáo Ban Chỉ đạo Chương trình xây dựng nông thôn mới thành phố, Thường trực Ủy ban nhân dân thành phố kết quả thực hiện; tham mưu, đề xuất, giải quyết những khó khăn, vướng mắc trong quá trình thực hiện; chuẩn bị hồ sơ, tài liệu để thành phố tổ chức sơ kết hàng năm, tổng kết đánh giá kết quả thực hiện xây dựng xã nông thôn mới trên địa bàn thành phố./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Lê Mạnh Hà

**ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 4245/QĐ-UBND

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 08 tháng 8 năm 2013

QUYẾT ĐỊNH

**Về ban hành định mức kinh phí lập quy hoạch xây dựng
xã nông thôn mới trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh**

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Xây dựng số 16/2003/QH11 ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Nghị định số 08/2005/NĐ-CP ngày 24 tháng 01 năm 2005 của Chính phủ về Quy hoạch xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 31/2012/NĐ-CP ngày 12 tháng 4 năm 2012 của Chính phủ quy định mức lương tối thiểu chung;

Căn cứ Thông tư Liên tịch số 13/2011/TTLT-BXD-NNPTNT-BTN&MT ngày 28 tháng 10 năm 2011 của Bộ Xây dựng, Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn, Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc Quy định việc lập, thẩm định, phê duyệt quy hoạch xây dựng xã nông thôn mới;

Căn cứ Thông tư số 01/2013/TT-BXD ngày 08 tháng 2 năm 2013 của Bộ Xây dựng về hướng dẫn xác định và quản lý chi phí quy hoạch xây dựng và quy hoạch đô thị;

Căn cứ Thông tư số 06/2010/TT-BTNMT ngày 15 tháng 3 năm 2010 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc quy định định mức kinh tế - kỹ thuật lập và điều chỉnh quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất;

Căn cứ Quyết định số 07/2006/QĐ-BNN ngày 24 tháng 01 năm 2006 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc ban hành giá Quy hoạch Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;

Căn cứ Quyết định số 44/2011/QĐ-UBND ngày 11 tháng 7 năm 2011 của Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh về ban hành đơn giá dự toán lập và điều chỉnh quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất các cấp trên địa bàn thành phố;

Xét Tờ trình số 1948/TTr-SQHKT ngày 19 tháng 6 năm 2013 của Sở Quy hoạch - Kiến trúc về việc đề nghị phê duyệt và ban hành định mức kinh phí lập quy hoạch xây dựng xã nông thôn mới trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định về định mức kinh phí lập quy hoạch xây dựng xã nông thôn mới trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh.

Điều 2. Giao Sở Quy hoạch - Kiến trúc phối hợp với các Sở - ngành liên quan và Ủy ban nhân dân các huyện hướng dẫn, tổ chức triển khai thực hiện Quyết định đảm bảo đúng quy định, đúng đối tượng, đúng chính sách hiện hành.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 4. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố, Giám đốc các Sở - ban, ngành thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các quận - huyện, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, thị trấn, các tổ chức, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Nguyễn Hữu Tín

**ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

QUY ĐỊNH

**Về định mức kinh phí lập quy hoạch xây dựng xã nông thôn mới
trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 4245/QĐ-UBND
ngày 08 tháng 8 năm 2013 của Ủy ban nhân dân thành phố)*

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định này hướng dẫn việc xác định và quản lý chi phí lập, thẩm định, phê duyệt quy hoạch xây dựng xã nông thôn mới trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Quy định này áp dụng đối với các tổ chức, cá nhân tham gia thực hiện các nội dung công việc lập quy hoạch xây dựng xã nông thôn mới trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh.

Điều 3. Nguyên tắc xác định và quản lý chi phí

1. Chi phí quy hoạch xây dựng xã nông thôn mới xác định theo định mức chi phí công bố tại quy định này là mức chi phí cần thiết để hoàn thành toàn bộ các nội dung công việc lập nhiệm vụ, lập đề án, thẩm định - phê duyệt đề án, quản lý nghiệp vụ lập đề án và công bố đề án quy hoạch xây dựng xã nông thôn mới.

2. Trường hợp quy mô của đề án quy hoạch nằm trong khoảng giữa hai quy mô công bố tại Quy định này thì sử dụng phương pháp nội suy để xác định định mức chi phí. Đối với đề án quy hoạch có quy mô lớn hơn quy mô công bố trong Thông tư này thì chi phí lập đề án quy hoạch xác định bằng cách lập dự toán.

3. Trường hợp công việc lập quy hoạch có đặc thù riêng, nếu chi phí xác định theo quy định tại Thông tư này không phù hợp thì lập dự toán để xác định chi phí.

Chương II

XÁC ĐỊNH CHI PHÍ LẬP ĐỒ ÁN QUY HOẠCH XÂY DỰNG XÃ NÔNG THÔN MỚI

Điều 4. Chi phí lập đồ án quy hoạch

Đồ án quy hoạch xây dựng xã nông thôn mới được thực hiện trên cơ sở lồng ghép 03 loại: quy hoạch sử dụng đất, quy hoạch sản xuất và quy hoạch xây dựng.

1. Chi phí lập quy hoạch sử dụng đất được xác định tại Phụ lục 1.
2. Chi phí lập quy hoạch sản xuất được xác định tại Phụ lục 2.
3. Chi phí lập quy hoạch xây dựng được xác định tại Phụ lục 3.

4. Đơn vị tư vấn có trách nhiệm tổ chức thực hiện nội dung các loại quy hoạch đảm bảo chất lượng, số lượng hồ sơ và thời gian thực hiện theo quy định hiện hành.

Điều 5. Xác định chi phí lập nhiệm vụ quy hoạch, thẩm định đồ án quy hoạch và quản lý nghiệp vụ lập đồ án quy hoạch

1. Chi phí lập nhiệm vụ quy hoạch tính theo tỷ lệ % so với chi phí lập đồ án quy hoạch tương ứng, quy định tại Phụ lục 4.

2. Chi phí thẩm định đồ án quy hoạch tính theo tỷ lệ % so với chi phí lập đồ án quy hoạch tương ứng, quy định tại Phụ lục 4. Trường hợp phải lấy ý kiến của cơ quan quản lý nhà nước góp ý đồ án quy hoạch thì chi phí lấy ý kiến góp ý được trích trong chi phí thẩm định đồ án quy hoạch với mức chi phí bằng 20% của chi phí thẩm định đồ án quy hoạch.

3. Chi phí quản lý nghiệp vụ lập đồ án quy hoạch tính theo tỷ lệ % so với chi phí lập đồ án quy hoạch tương ứng, quy định tại Phụ lục 4.

4. Chi phí công bố đồ án quy hoạch được xác định bằng dự toán nhưng tối đa không vượt quá 3% chi phí lập đồ án quy hoạch tương ứng.

Chương III

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 6. Trong quá trình triển khai thực hiện, nếu có vướng mắc, đề nghị các địa phương, tổ chức, cá nhân gửi ý kiến về Ban Chỉ đạo Chương trình xây dựng nông

thôn mới Thành phố Hồ Chí Minh để tổng hợp đề xuất, báo cáo Ủy ban nhân dân thành phố xem xét quyết định, sửa đổi bổ sung cho phù hợp./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Nguyễn Hữu Tín

PHỤ LỤC 1
KINH PHÍ LẬP QUY HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT TRONG
ĐỒ ÁN QUY HOẠCH XÂY DỰNG XÃ NÔNG THÔN MỚI
(Ban hành kèm theo Quyết định số 4245/QĐ-UBND
ngày 08 tháng 8 năm 2013 của Ủy ban nhân dân thành phố)

1. Căn cứ lập dự toán:

- Thông tư số 06/2010/TT-BTN&MT ngày 15 tháng 3 năm 2010 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về định mức kinh tế - kỹ thuật lập và điều chỉnh quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất;

- Quyết định số 44/2011/QĐ-UBND ngày 11 tháng 7 năm 2011 của Ủy ban nhân dân thành phố về ban hành đơn giá dự toán lập và điều chỉnh quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất các cấp trên địa bàn thành phố.

2. Định mức kinh phí lập Quy hoạch sử dụng đất.

Xác định định mức lập quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất cấp xã trung bình (M_{tb}) có hệ số quy mô diện tích $K_s = 1$ (diện tích trung bình là 3.000 ha), hệ số áp lực về dân số $K_{ds} = 1$, hệ số điều chỉnh theo khu vực $K_{kv} = 1$. Trên cơ sở định mức lập quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất cấp xã trung bình (M_{tb}), các xã quy đổi định mức lập quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất tại xã mình theo công thức: Mức cụ thể cho từng xã (M_D):

$$M_D = M_{tb} K_{ds} K_s K_{kv}$$

Trong đó:

- K_{ds} : Hệ số áp lực về dân số được thể hiện ở bảng 1;
- K_s : Hệ số quy mô diện tích được thể hiện ở bảng 2;
- K_{kv} : Hệ số điều chỉnh theo khu vực được thể hiện ở bảng 3.

Bảng 1. Hệ số áp lực về dân số (K_{ds}) cấp xã

Mật độ dân số trung bình (người/km ²)	K_{ds}
< 50	0,70
50 - <100	0,71 - 0,82
100 - < 260	0,83 - 0,99
260	1,00

261 - < 400	1,01 - 1,05
400 - < 700	1,06 - 1,09
700 - < 1.000	1,10 - 1,12
1.000 - < 3.000	1,13 - 1,20
3.000 - < 5.000	1,21 - 1,22
5.000 - < 10.000	1,23 - 1,27
10.000 - < 15.000	1,28 - 1,32
15.000 - < 20.000	1,33 - 1,37
20.000 - < 25.000	1,38 - 1,42
25.000 - < 35.000	1,43 - 1,47
> 35.000	1,48

Bảng 2. Hệ số quy mô diện tích (K_s) cấp xã

Diện tích tự nhiên (ha)	K_s
< 100	0,80
100 - < 500	0,81 - 0,88
500 - < 1.500	0,89 - 0,92
1.500 - < 3.000	0,93 - 0,99
3.000	1,00
3.001 - < 3.500	1,01 - 1,02
3.500 - < 5.000	1,03 - 1,07
5.000 - < 7.000	1,08 - 1,12
7.000 - < 10.000	1,13 - 1,17
> 10.000	1,18

Bảng 3. Hệ số điều chỉnh theo khu vực (K_{kv}) cấp xã

Khu vực	K_{kv}
Các xã khu vực miền núi	0,85
Các xã khu vực đồng bằng	1,00
Thị trấn và các xã nằm trong khu vực phát triển đô thị	1,20
Các phường thuộc đô thị loại II, III, IV	1,35
Các phường thuộc các đô thị loại 1 và đô thị đặc biệt	1,50

Trong đó M_{tb} được tính trên các căn cứ:

Đơn giá vật tư, thiết bị tính theo Quyết định số 44/2011/QĐ-UBND ngày 11 tháng 7 năm 2011 của Ủy ban nhân dân thành phố về ban hành đơn giá dự toán lập và điều chỉnh quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất các cấp trên địa bàn thành phố (mức lương tối thiểu chung 830.000 đồng), chuyển đổi theo đơn giá tiền lương theo Nghị định số 31/2012/NĐ-CP ngày 12 tháng 4 năm 2012 của Chính phủ về Quy định mức lương tối thiểu chung là 1.050.000 đồng/tháng.

Sau khi tính toán $M_{tb} = 130.562.300$ đồng.

Làm tròn: $M_{tb} = 130.600.000$ đồng.

Giá trên chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng (VAT).

3. Điều kiện áp dụng:

Áp dụng cho mục quy hoạch sản xuất của xã lập quy hoạch xây dựng nông thôn mới theo Thông tư liên tịch số 13/2011/TTLT-BXD-BNNPTNT-BTNMT.

Diện tích đất sản xuất nông nghiệp gồm: Đất trồng cây hàng năm, đất trồng cây lâu năm, đất chăn nuôi, đất nuôi trồng thủy sản, đất trang trại sản xuất nông nghiệp.

Giá trên áp dụng cho các xã đã có bản đồ hiện trạng sử dụng đất tỷ lệ 1/2000 hoặc bản đồ nền (Bản đồ địa chính, bản đồ địa hình) tỷ lệ 1/2000 dạng số và còn phù hợp với hiện trạng sử dụng đất tại thời điểm lập quy hoạch./.

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ

PHỤ LỤC 2
KINH PHÍ LẬP QUY HOẠCH SẢN XUẤT TRONG
ĐỒ ÁN QUY HOẠCH XÂY DỰNG XÃ NÔNG THÔN MỚI
(Ban hành kèm theo Quyết định số 4245/QĐ-UBND
ngày 08 tháng 8 năm 2013 của Ủy ban nhân dân thành phố)

1. Căn cứ lập dự toán:

Quyết định số 07/2006/QĐ-BNN ngày 24 tháng 01 năm 2006 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc ban hành giá quy hoạch nông nghiệp và phát triển nông thôn. Trong đó diện tích lập quy hoạch tỷ lệ 1/2000 ở mức chuẩn (diện tích 1.000 ha) là 238,7 triệu đồng.

2. Định mức kinh phí lập Quy hoạch sản xuất:

- Trường hợp xác định chỉ số giá tiêu dùng: bổ sung yếu tố trượt giá từ tháng 01 năm 2005 đến tháng 12 năm 2012 là 212%.

- Giá lập quy hoạch sản xuất (G_{SX}) được tính như sau:

$$G_{SX} = \frac{238,7}{1.000} \times Q_{SX} \times (212\%). \text{ Trong đó:}$$

Q_{SX} : Diện tích đất cần lập quy hoạch; diện tích nhóm đất nông nghiệp trên địa bàn xã theo thống kê tại thời điểm ngày 01 tháng 01 hàng năm của Sở Tài nguyên và Môi trường (không tính diện tích đất lâm nghiệp).

Định mức kinh phí lập Quy hoạch sản xuất (G_{SX}) được tính như sau (Bảng giá lập quy hoạch sản xuất tỷ lệ 1/2.000):

Diện tích đất sản xuất (ha)	<200	400	600	800	1.000
Giá lập quy hoạch sản xuất (triệu đồng)	101,21	202,42	303,63	404,84	506,05

Ghi chú: Đối với trường hợp diện tích cần lập quy hoạch nhỏ hơn 200 ha được áp dụng giá lập quy hoạch ở mức 200 ha.

- Giá trên chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng (VAT).

- Kinh phí lập quy hoạch sản xuất trong quy hoạch xây dựng xã nông thôn mới được xác định bao gồm kinh phí lập quy hoạch sản xuất nông nghiệp và kinh phí quy hoạch sản xuất công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp và dịch vụ.

- Tỷ trọng kinh phí quy hoạch sản xuất công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp và dịch vụ (so với quy hoạch sản xuất nông nghiệp) được xác định trong quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế-xã hội cấp huyện (dựa trên hệ số khác biệt giữa các quy hoạch phát triển ngành, lĩnh vực và sản phẩm chủ yếu), hoặc xác định trong đề án xây dựng xã nông thôn mới nhưng không vượt quá 70% định mức lập quy hoạch sản xuất nông nghiệp.

3. Sản phẩm giao nộp gồm:

a) Phần báo cáo thuyết minh (mỗi loại 10 quyển):

- Báo cáo tóm tắt.
- Báo cáo thuyết minh tổng hợp kèm theo sơ đồ, bảng biểu tính toán.
- Các báo cáo chuyên đề (nếu có).
- Bảng hình, ảnh, sơ đồ, biểu đồ (nếu có).

b) Bản đồ đề xuất quy hoạch sử dụng đất tỷ lệ 1/2.000:

- Bản đồ đề xuất quy hoạch sử dụng đất tỷ lệ 1/2.000.
- Bản đồ quy hoạch sản xuất nông nghiệp tỷ lệ 1/2.000.

4. Điều kiện áp dụng:

- Áp dụng cho mục quy hoạch sản xuất nông nghiệp của xã lập quy hoạch xây dựng nông thôn mới theo Thông tư liên tịch số 13/2011/TTLT-BXD-BNNPTNT-BTN&MT.

- Diện tích đất sản xuất nông nghiệp gồm: Đất trồng cây hàng năm, đất trồng cây lâu năm, đất chăn nuôi, đất nuôi trồng thủy sản, đất trang trại sản xuất nông nghiệp.

- Giá trên áp dụng cho các xã đã có bản đồ hiện trạng sử dụng đất tỷ lệ 1/2.000 hoặc bản đồ nền (Bản đồ địa chính, bản đồ địa hình) tỷ lệ 1/2000 dạng số và còn phù hợp với hiện trạng sử dụng đất tại thời điểm lập quy hoạch./.

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ

PHỤ LỤC 3
KINH PHÍ LẬP QUY HOẠCH XÂY DỰNG TRONG
ĐỒ ÁN QUY HOẠCH XÂY DỰNG XÃ NÔNG THÔN MỚI
(Ban hành kèm theo Quyết định số 4245/QĐ-UBND
ngày 08 tháng 8 năm 2013 của Ủy ban nhân dân thành phố)

1. Căn cứ lập dự toán:

Nghị định số 31/2012/NĐ-CP ngày 01 tháng 4 năm 2012 của Chính phủ về ban hành Quy định mức lương tối thiểu chung (áp dụng từ ngày 01 tháng 5 năm 2012 là: 1.050.000 đồng tháng);

Thông tư số 01/2013/TT-BXD ngày 08 tháng 2 năm 2013 của Bộ Xây dựng ban hành về hướng dẫn xác định, quản lý chi phí quy hoạch xây dựng và quy hoạch đô thị.

2. Bảng kinh phí lập quy hoạch xây dựng

STT	Nội dung công việc	Diễn giải chi phí	Thành tiền (đồng)	Ghi chú
1	Chi phí chuyên gia		167.076.000	Ccg
2	Chi phí quản lý:	50%*Ccg	83.538.000	Cql
3	Chi phí khác	10%* (Ccg+Cql)	25.061.400	Ck
4	Thu nhập chịu thuế tính trước	6%* (Ccg+Cql+Ck)	16.540.524	TN
5	Thuế giá trị gia tăng	10%*(Ccg+Cql+Ck+TN)	29.221.592	VAT
6	Chi phí dự phòng	8%*(Ccg+Cql+Ck+TN+VAT)	25.715.000	Cdp
	Tổng cộng	GXD= Ccg+Cql+Ck+TN+VAT+Cdp	347.152.516	CTV
	Làm tròn	GXD	347.000.000	

- Định mức chi phí đối với xã có quy mô 1.000 ha được xác định đối với xã có quy mô diện tích hành chính của xã 1.000 ha, có phạm vi ranh giới lập quy hoạch nằm hoàn toàn trong khu vực nông thôn.

- Trường hợp lập đồ án quy hoạch xây dựng xã nông thôn mới (phần quy hoạch xây dựng) đối với các xã có quy mô lớn hơn hoặc nhỏ hơn thì định mức chi phí được điều chỉnh với các hệ số K theo bảng như sau:

Diện tích (ha)	< 200	500	1.500	≥ 2000
Hệ số K	0,8	0,9	1,03	1,05

- Trường hợp lập đồ án quy hoạch xây dựng xã nông thôn mới (phần quy hoạch xây dựng) đối với các xã khu vực nông thôn có một phần diện tích nằm trong khu vực phát triển đô thị hoặc đối với các xã nằm hoàn toàn trong khu vực phát triển đô thị thì định mức chi phí được điều chỉnh với các hệ số K như sau:

- Đối với các xã khu vực nông thôn có một phần diện tích nằm trong khu vực phát triển đô thị: $K = 0,7$.

- Xác định chi phí chuyên gia theo bảng trên đã bao gồm mức tiền lương tối thiểu chung, mức lương cơ bản và các loại phí (bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, phí công đoàn...).

- Đối với những trường hợp có giá trị tính toán nằm giữa 02 khoảng định mức chi phí theo các số liệu trên, thì phải nội suy để tính toán mức chi phí./.

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ

PHỤ LỤC 4
ĐỊNH MỨC CHI PHÍ CHO MỘT SỐ CÔNG VIỆC LIÊN QUAN
ĐẾN QUÁ TRÌNH LẬP ĐỒ ÁN QUY HOẠCH

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 4245/QĐ-UBND
ngày 08 tháng 8 năm 2013 của Ủy ban nhân dân thành phố)*

1. Căn cứ áp dụng:

Thông tư số 01/2013/TT-BXD ngày 08 tháng 02 năm 2013 của Bộ Xây dựng ban hành về hướng dẫn xác định, quản lý chi phí quy hoạch xây dựng và quy hoạch đô thị.

2. Định mức chi phí cho một số công việc xác định theo tỷ lệ phần trăm của chi phí lập đồ án quy hoạch:

STT	Chi phí lập đồ án quy hoạch (triệu đồng)	≤ 200	500	700	1.000	2.000
1	Lập nhiệm vụ quy hoạch (tỷ lệ%)	12,8	9,6	8,0	7,2	5,2
2	Thẩm định đồ án quy hoạch (tỷ lệ%)	11,2	8,8	7,6	6,8	4,8
3	Quản lý nghiệp vụ lập đồ án quy hoạch (tỷ lệ%)	9,6	8,0	7,2	6,4	4,4

Ghi chú: Việc xác định phân chia tỷ lệ các nội dung công việc tại bảng nêu trên căn cứ theo tỷ lệ chi phí lập quy hoạch tương ứng từng loại quy hoạch (03 loại) chiếm trong tổng chi phí lập đồ án ./.

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ

**ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 4326/QĐ-UBND

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 12 tháng 8 năm 2013

QUYẾT ĐỊNH

**Về phê duyệt Chương trình “Ứng dụng Khoa học công nghệ
giảm ùn tắc giao thông giai đoạn 2013 - 2015, tầm nhìn đến 2020”**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Công nghệ thông tin ngày 29 tháng 6 năm 2006;

Căn cứ Nghị định số 71/2007/NĐ-CP ngày 03 tháng 5 năm 2007 của Chính phủ về quy định chi tiết và hướng dẫn thực hiện một số điều của Luật Công nghệ thông tin về công nghiệp công nghệ thông tin;

Căn cứ Nghị quyết số 13-NQ/TW ngày 16 tháng 01 năm 2012, Hội nghị lần thứ 4 Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XI về xây dựng hệ thống kết cấu hạ tầng đồng bộ nhằm đưa nước ta cơ bản trở thành nước công nghiệp theo hướng hiện đại vào năm 2020;

Căn cứ Nghị quyết số 16/NQ-TW ngày 10 tháng 8 năm 2012 của Bộ Chính trị khóa IX “Về phương hướng, nhiệm vụ phát triển thành phố Hồ Chí Minh đến năm 2020”;

Căn cứ Quyết định số 1605/QĐ-TTg ngày 27 tháng 8 năm 2010 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Kế hoạch ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của cơ quan Nhà nước giai đoạn 2011 - 2015;

Căn cứ Chương trình hành động số 12-CTrHD/TU ngày 16 tháng 3 năm 2011 của Thành ủy thành phố Hồ Chí Minh thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ thành phố Hồ Chí Minh lần thứ IX về Chương trình giảm ùn tắc giao thông giai đoạn 2011 - 2015, tầm nhìn đến năm 2020;

Căn cứ Quyết định số 25/2011/QĐ-UBND ngày 14 tháng 5 năm 2011 của Ủy

ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh về ban hành Kế hoạch thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ thành phố lần thứ IX về Chương trình giảm ùn tắc giao thông giai đoạn 2011 - 2015, tầm nhìn đến năm 2020;

Xét đề nghị của Sở Thông tin và Truyền thông tại Công văn số 1122/STTTT-CNTT ngày 08 tháng 7 năm 2013,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Chương trình “Ứng dụng Khoa học công nghệ giảm ùn tắc giao thông giai đoạn 2013 - 2015, tầm nhìn đến 2020”.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố, Giám đốc Sở Giao thông vận tải, Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ, Giám đốc Sở Thông tin và Truyền thông, Giám đốc Đại học Quốc gia thành phố Hồ Chí Minh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận - huyện, phường - xã, Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Lê Mạnh Hà

**ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

CHƯƠNG TRÌNH

**Ứng dụng khoa học công nghệ giảm ùn tắc giao thông
giai đoạn 2013 - 2015, tầm nhìn đến 2020**

(Ban hành kèm Quyết định số 4326/QĐ-UBND

ngày 12 tháng 8 năm 2013 của Ủy ban nhân dân thành phố)

I. MỤC TIÊU CHUNG

- Nghiên cứu thử nghiệm và đưa vào ứng dụng các giải pháp công nghệ cho hệ thống giao thông thông minh nhằm nâng cao hiệu quả khai thác và phát triển hệ thống cơ sở hạ tầng giao thông hiện hữu trên địa bàn thành phố, góp phần giải quyết tình trạng ùn tắc giao thông;

- Xây dựng hạ tầng lưu trữ dữ liệu và công cụ tính toán nhằm phục vụ cho các giải pháp về giao thông trong giai đoạn 2013 - 2015; chuẩn bị cho giai đoạn 2016 - 2020;

- Xây dựng và phát triển nguồn nhân lực tại chỗ để giải quyết các vấn đề liên quan đến giao thông đô thị, tiến đến làm chủ công nghệ về giao thông và nội địa hóa các giải pháp cho hệ thống giao thông thông minh ITS.

II. MỤC TIÊU CỤ THỂ

- Xây dựng Chương trình tổng thể ứng dụng công nghệ thông tin trong ngành giao thông vận tải;

- Thử nghiệm và đưa vào ứng dụng thành công các giải pháp công nghệ phục vụ cho các hệ thống quan trắc giao thông, hệ thống điều khiển tín hiệu giao thông và hệ thống thông tin giao thông;

- Xây dựng và đưa vào khai thác hệ thống lưu trữ dữ liệu và công cụ tính toán nhằm phục vụ cho các giải pháp về giao thông thông minh;

- Xây dựng và triển khai hệ thống thu thập, quản lý và lưu trữ cơ sở dữ liệu về hạ tầng giao thông;

- Hình thành Trung tâm quản lý điều hành giao thông làm đầu mối kết nối toàn bộ hệ thống điều khiển giao thông hiện hữu và trong tương lai như hệ thống đường sắt đô thị, đường cao tốc, hệ thống thu phí, các bãi đậu xe...

- Xây dựng và phát triển đội ngũ nhân lực trong lĩnh vực quản lý và vận hành hệ thống giao thông thông minh.

III. NỘI DUNG THỰC HIỆN

1. Xây dựng chương trình ứng dụng công nghệ thông tin trong ngành giao thông vận tải

a) Nội dung thực hiện:

Nghiên cứu xây dựng Chương trình ứng dụng công nghệ thông tin dựa trên mô hình kiến trúc tổng thể (Enterprise Architecture - EA) phục vụ mục đích đưa ứng dụng công nghệ thông tin vào áp dụng trong ngành giai đoạn 2013 - 2016.

b) Tổ chức thực hiện

- Đơn vị chủ trì: Sở Giao thông vận tải

- Đơn vị phối hợp: Sở Thông tin và Truyền thông, Đại học Quốc gia thành phố Hồ Chí Minh, Sở Khoa học và Công nghệ, Công an thành phố Hồ Chí Minh và các đơn vị khác có liên quan.

c) Thời gian thực hiện: 2013 - 2014

d) Nguồn kinh phí: Kinh phí công nghệ thông tin của thành phố.

2. Ứng dụng các giải pháp công nghệ xây dựng các hệ thống quan trắc giao thông, hệ thống điều khiển tín hiệu giao thông và hệ thống thông tin giao thông

a) Nội dung thực hiện

- Thí điểm các giải pháp giám sát, quan trắc và thu thập thông tin giao thông, hệ thống điều khiển tín hiệu giao thông tại một tuyến đường hay xảy ra ùn tắc với quy mô khoảng 10 nút giao thông lớn và 5 nút giao thông nhỏ. Thử nghiệm các giải pháp điều khiển giao thông thông minh nhằm điều tiết và tối ưu hóa lưu lượng giao thông tại tuyến đường này.

- Mở rộng quy mô thí điểm: Trên cơ sở kết quả thí điểm, triển khai rộng rãi các giải pháp trên đến các trục đường của thành phố đã có sẵn hệ thống điều khiển đèn tín hiệu giao thông (các tuyến đường được trang bị hệ thống đèn tín hiệu giao thông từ nguồn vốn vay ODA và các nguồn khác).

- Dự án “Triển khai thí điểm hệ thống quản lý giao thông thông minh”.

b) Tổ chức thực hiện

- Đơn vị chủ trì: Sở Thông tin và Truyền thông

- Đơn vị phối hợp: Đại học Quốc gia thành phố Hồ Chí Minh, Sở Giao thông Vận tải, Sở Khoa học và Công nghệ, Công an thành phố, Kênh thông tin VOV giao thông, VOVH giao thông và các đơn vị khác có liên quan.

c) Thời gian thực hiện: Từ năm 2013 - 2015

d) Nguồn kinh phí: Kinh phí công nghệ thông tin của thành phố.

3. Xây dựng và đưa vào khai thác hệ thống lưu trữ dữ liệu và các công cụ tính toán cho các giải pháp về giao thông thông minh

a) Nội dung thực hiện

- Đưa các giải pháp về giao thông chạy thử nghiệm trên các hệ thống lưu trữ và tính toán hiệu năng cao hiện có;

- Xác định các yêu cầu về lưu trữ dữ liệu và tính toán của các giải pháp về giao thông, đặc biệt là hệ thống giao thông thông minh;

- Nghiên cứu, thiết kế và triển khai hệ thống lưu trữ và tính toán hiệu năng cao quy mô lớn cho giai đoạn 2016 - 2020.

- Các dự án:

+ Dự án Xây dựng và triển khai Hệ thống hạ tầng lưu trữ dữ liệu giao thông.

+ Dự án Triển khai Hệ thống tính toán hiệu năng cao.

b) Tổ chức thực hiện

- Đơn vị chủ trì: Đại học Quốc gia thành phố Hồ Chí Minh

- Đơn vị phối hợp: Sở Thông tin và Truyền thông, Sở Giao thông vận tải, Sở Khoa học và Công nghệ và các đơn vị khác có liên quan.

c) Thời gian thực hiện: 2013 - 2015.

d) Nguồn kinh phí: Kinh phí công nghệ thông tin của thành phố.

4. Xây dựng cơ sở dữ liệu GIS về hạ tầng giao thông; công cụ thu thập, tích hợp, lưu trữ và cung cấp dữ liệu giao thông đô thị theo thời gian thực

a) Nội dung thực hiện

- Khảo sát các loại dữ liệu về hạ tầng giao thông hiện hữu, phân tích đặc điểm của dữ liệu, nhu cầu sử dụng và yêu cầu lưu trữ đối với từng loại dữ liệu để xây dựng cơ sở dữ liệu GIS phục vụ quản lý khai thác, quy hoạch hạ tầng giao thông đô thị bao gồm mạng lưới giao thông đường bộ (hệ thống cầu đường, chiếu sáng, công viên, cây xanh, cấp thoát nước, mạng lưới vận tải hành khách công, không gian ngầm...), mạng lưới giao thông đường thủy, đường sắt; hoàn thiện, đưa vào sử dụng bản đồ số về hệ thống giao thông;

- Xây dựng chuẩn dữ liệu phục vụ cho việc lưu trữ, tích hợp và cấp phát dữ liệu giao thông;

- Phát triển số lượng nguồn cung cấp dữ liệu đầu vào cho hệ thống giao thông thông minh; xây dựng các công cụ rút trích dữ liệu giao thông từ tín hiệu GPS, các thiết bị giám sát hành trình gắn trên các loại phương tiện khác nhau (đường bộ và đường thủy) và từ camera quan sát giao thông cùng các công cụ bổ khuyết dữ liệu giao thông theo thời gian thực;

- Thiết lập hệ thống tích hợp, lưu trữ và cung cấp dữ liệu giao thông có khả năng tích hợp và lưu trữ dữ liệu giao thông thu thập từ nhiều nguồn khác nhau (như GPS, các phương pháp thủ công, các hệ thống giao thông khác) theo thời gian thực; cung cấp về Trung tâm và cho các công cụ tính toán hiệu năng cao để phân tích đưa ra các dự báo và phương án tối ưu hóa dòng giao thông;

- Xây dựng hệ thống thông tin giao thông cho người dân thông qua các loại hình như website, các ứng dụng trên smart phone, SMS, bảng thông tin giao thông điện tử, thông qua VOV giao thông hoặc VOH;

- Xây dựng hệ thống thông tin cho người sử dụng xe buýt tại các điểm đầu cuối bến, trạm dừng, nhà chờ, trên xe buýt, website và các ứng dụng trên smart phone.

- Các dự án:

+ Dự án “Ứng dụng Hệ thống thông tin địa lý (GIS) trong công tác quản lý cơ sở dữ liệu hạ tầng giao thông trên địa bàn thành phố”.

+ Dự án “Thiết lập hệ thống kiểm soát và thông tin xe buýt”.

+ Dự án “Xây dựng ứng dụng cung cấp thông tin giao thông trên Web và thiết bị di động - giai đoạn 1”.

+ Dự án “Ứng dụng phần mềm mô phỏng trong thiết kế và quản lý giao thông đô thị”.

+ Dự án “Cung cấp thông tin giao thông trên web và di động - giai đoạn 2”.

+ Dự án “Ứng dụng GIS trong công tác quản lý cơ sở dữ liệu hạ tầng giao thông trên địa bàn thành phố”.

b) Tổ chức thực hiện

- Đơn vị chủ trì: Sở Giao thông vận tải

- Đơn vị phối hợp: Sở Thông tin và Truyền thông, Đại học Quốc gia thành phố Hồ Chí Minh, Sở Khoa học và Công nghệ, Công an thành phố, Kênh thông tin VOV giao thông, VOV giao thông và các đơn vị khác có liên quan.

c) Thời gian thực hiện: Từ năm 2014 - 2015

d) Nguồn kinh phí: Kinh phí công nghệ thông tin của thành phố.

5. Hình thành Trung tâm quản lý điều hành giao thông

a) Nội dung thực hiện

- Hình thành Trung tâm quản lý điều hành giao thông làm đầu mối kết nối toàn bộ hệ thống điều khiển giao thông hiện hữu và trong tương lai như hệ thống đường sắt đô thị, đường cao tốc, hệ thống thu phí, các bãi đậu xe.

- Trung tâm quản lý điều hành giao thông được trang bị hạ tầng công nghệ thông tin hiện đại gồm phần cứng lẫn phần mềm nhằm đáp ứng công tác quản lý điều hành giao thông chung cho toàn thành phố cũng như cung cấp thông tin kịp thời cho người dân thông qua các kênh thông tin như bảng quang báo, website, các kênh thông tin giao thông như VOV, VOH.

b) Tổ chức thực hiện

- Đơn vị chủ trì: Sở Giao thông vận tải

- Đơn vị phối hợp: Đại học Quốc gia thành phố Hồ Chí Minh, Sở Nội vụ, Sở Thông tin và Truyền thông, Công an thành phố, Sở Khoa học và Công nghệ, Kênh thông tin VOV giao thông, VOH giao thông và các đơn vị khác có liên quan;

c) Thời gian thực hiện: 2013 - 2015, hướng đến 2020

d) Nguồn kinh phí: Kinh phí công nghệ thông tin của thành phố và nguồn vốn ODA.

6. Đào tạo nguồn nhân lực phục vụ cho việc quản lý và vận hành hệ thống giao thông thông minh - Intelligent Transportation System (ITS)

a) Nội dung thực hiện

- Tổ chức các khóa học ngắn hạn, dài hạn trong hoặc ngoài nước (với hình thức bồi dưỡng nghiệp vụ và đào tạo sau đại học) cho các cán bộ, chuyên viên về việc quản lý và vận hành hệ thống hạ tầng giao thông thông minh ITS;

- Đưa các nội dung liên quan đến hệ thống giao thông thông minh ITS vào các chương trình đào tạo ở bậc đại học và sau đại học; triển khai các đề tài nghiên cứu khoa học về giao thông cho sinh viên;

- Xây dựng các đề tài luận văn tốt nghiệp đại học, luận văn cao học và luận án tiến sĩ hướng đến việc giải quyết các bài toán giao thông của thành phố.

b) Tổ chức thực hiện

- Đơn vị chủ trì: Đại học Quốc gia thành phố Hồ Chí Minh

- Đơn vị phối hợp: Sở Giao thông vận tải, Sở Thông tin và Truyền thông, Trường Đại học Giao thông Vận tải thành phố Hồ Chí Minh và các đơn vị khác có liên quan.

c) Thời gian thực hiện: 2013 - 2015

d) Nguồn kinh phí: Kinh phí công nghệ thông tin của thành phố và nguồn vốn ODA.

7. Nghiên cứu và sản xuất thử nghiệm công nghệ và thiết bị phục vụ hệ thống giao thông đô thị

a) Nội dung thực hiện

- Tuyển chọn và thực hiện các đề tài nghiên cứu, các dự án sản xuất thử nghiệm công nghệ phần cứng, phần mềm, thiết bị phục vụ hệ thống giao thông đô thị trong hiện tại và lâu dài;

- Tập hợp đồng thời đào tạo lực lượng nghiên cứu về hệ thống giao thông đô thị;

- Triển khai thử nghiệm, chuyển giao các công nghệ, thiết bị phục vụ hệ thống giao thông đô thị.

Các dự án:

- Đề tài “Nghiên cứu và thiết kế hệ thống đèn đường thông minh”.

- Đề tài “Nghiên cứu và thiết kế chế tạo hệ thống vạch dừng xe thông minh”.

b) Tổ chức thực hiện

- Đơn vị chủ trì: Sở Khoa học và Công nghệ

- Đơn vị phối hợp: Đại học Quốc gia thành phố Hồ Chí Minh, Sở Thông tin và Truyền thông, Sở Giao thông vận tải, Công an thành phố và các đơn vị khác có liên quan;

c) Thời gian thực hiện: 2013 - 2015, hướng đến 2020

d) Nguồn kinh phí: Kinh phí công nghệ thông tin của thành phố.

8. Nghiên cứu chính sách hỗ trợ quản lý và vận hành hệ thống giao thông đô thị

a) Nội dung thực hiện

- Nghiên cứu, tham mưu và xây dựng các chính sách về quản lý giao thông đô thị, hướng đến phục vụ cho việc phát triển hệ thống giao thông thông minh của thành phố;

- Nghiên cứu các cơ chế, chính sách bắt buộc, hỗ trợ người tham gia giao thông nhằm cơ cấu lại tỷ lệ sử dụng phương tiện công cộng và cá nhân theo hướng phù hợp với cơ sở hạ tầng sẵn có;

- Nghiên cứu các cơ chế, chính sách khuyến khích, hỗ trợ người tham gia giao thông tham gia cung cấp dữ liệu đầu vào cho hệ thống giao thông minh.

b) Tổ chức thực hiện

- Đơn vị chủ trì: Sở Thông tin và Truyền thông

- Đơn vị phối hợp: Đại học Quốc gia thành phố Hồ Chí Minh, Công an thành phố, Sở Giao thông vận tải, Sở Khoa học và Công nghệ và các đơn vị khác có liên quan.

c) Thời gian thực hiện: 2013 - 2015

d) Nguồn kinh phí: Kinh phí công nghệ thông tin của thành phố.

9. Tăng cường hiệu quả hoạt động của hệ thống đèn tín hiệu giao thông hiện hữu, kết nối và khai thác thông tin phục vụ triển khai Hệ thống giao thông thông minh

a) Nội dung thực hiện: Điều tra, khảo sát nhằm đánh giá năng lực hoạt động của các hệ thống đèn tín hiệu và biển quang báo đã được đầu tư trong các dự án bằng nguồn vốn trong nước và ngoài nước tại thành phố. Tiến hành kết nối hệ thống đèn tín

hiệu và biển quang báo đã có về Trung tâm quản lý điều hành giao thông của thành phố nhằm khai thác thông tin phục vụ triển khai hệ thống Giao thông thông minh.

Các dự án:

- Dự án “Phục hồi hệ thống điều khiển giao thông hiện hữu (do Pháp và Ngân hàng thế giới tài trợ)”.

- Dự án “Trang bị thiết bị và thu thập dữ liệu và cung cấp thông tin giao thông ở khu vực đã được đầu tư hệ thống đèn tín hiệu từ nguồn vốn giao thông ODA của Pháp và Ngân hàng Thế giới”.

b) Tổ chức thực hiện

- Đơn vị chủ trì: Sở Giao thông vận tải

- Đơn vị phối hợp: Đại học Quốc gia thành phố Hồ Chí Minh, Sở Thông tin và Truyền thông, Công an thành phố, VOV giao thông, VOH giao thông và các đơn vị khác có liên quan.

c) Thời gian thực hiện: 2013 - 2015

d) Nguồn kinh phí: Kinh phí công nghệ thông tin của thành phố.

IV. KINH PHÍ THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH

Từ các nguồn vốn ngân sách đầu tư cho công nghệ thông tin, khoa học công nghệ, giao thông vận tải của thành phố và nguồn vốn ODA.

V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Ban Chỉ đạo phát triển công nghệ thông tin - truyền thông thành phố Hồ Chí Minh có trách nhiệm chỉ đạo thực hiện chương trình này.

2. Sở Thông tin và Truyền thông có trách nhiệm:

- Chủ trì tổ chức triển khai và thực hiện chương trình, tổng hợp và đề xuất Ủy ban nhân dân bố trí kinh phí thực hiện hằng năm cho các dự án, hạng mục công việc thành phần của chương trình.

- Tổ chức cung cấp thông tin, dự báo, theo dõi cập nhật, đánh giá tình hình thực hiện Chương trình; Tổng hợp báo cáo Ủy ban nhân dân Thành phố định kỳ 6 tháng và đề xuất các cơ chế chính sách cần thiết để thúc đẩy thực hiện Chương trình.

- Tổ chức sơ kết hàng năm thực hiện Chương trình để rút kinh nghiệm thực tiễn trong quá trình thực hiện.

3. Định kỳ quý III hàng năm, các đơn vị chủ trì các nhiệm vụ trong chương trình có trách nhiệm xây dựng kế hoạch, dự trù kinh phí gửi Sở Thông tin và Truyền thông tổng hợp trình Ủy ban nhân dân thành phố quyết định.

4. Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính có trách nhiệm tham mưu, bố trí kinh phí kịp thời để triển khai thực hiện các nội dung trong Chương trình theo đúng chỉ đạo của Ủy ban nhân dân thành phố.

5. Đại học Quốc gia thành phố Hồ Chí Minh, Sở Giao thông vận tải, Sở Khoa học và Công nghệ và các đơn vị liên quan có trách nhiệm:

- Phối hợp xây dựng và triển khai thực hiện các nội dung thuộc Chương trình.

- Định kỳ quý III hàng năm, xây dựng kế hoạch triển khai các dự án, hạng mục công việc thuộc chương trình sẽ triển khai trong năm tiếp theo gửi Sở Thông tin và Truyền thông tổng hợp báo cáo đề xuất với Ủy ban nhân dân thành phố./.

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ

VĂN PHÒNG UBND THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Địa chỉ: 86 Lê Thánh Tôn, quận 1

Điện thoại: 38.233.686

Fax: (84.8) 38.233.694

Email: tcb.ubnd@tphcm.gov.vn

Website: www.congbao.hochiminhcity.gov.vn

In tại Xí nghiệp Bản đồ Đà Lạt - Bộ Quốc phòng